

. Chủ đề	Tuần	Tiết	Nội dung
Chủ đề 1: Lịch sử hình thành và phát triển của Hải Dương từ thời tiền sử đến đầu thế kỉ X	1	1	Người Việt cổ trên đất Hải Dương
	2	2	Người Việt cổ trên đất Hải Dương (Tiếp)
	3	3	Hải Dương trong thời kì Văn Lang- Âu Lạc
	4	4	Hải Dương trong thời kì Văn Lang- Âu Lạc(Tiếp)
	5	5	Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc (thế kỉ II TCN- đầu thế kỉ X)
	6	6	Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc (thế kỉ II TCN- đầu thế kỉ X) – Tiếp
Chủ đề 2: Văn hóa Hải Dương trước thế kỉ X: Thành tựu và bản sắc	7	7	Một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Dương trước thế kỉ X
	8	8	Một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Dương trước thế kỉ X (Tiếp)
	9	9	Một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Dương trước thế kỉ X (Tiếp)
	10	10	Chủ đề 2: (Tiếp) Văn hóa Hải Dương trước thế kỉ X- tr 20
	11	11	Chủ đề 2: (Tiếp) Văn hóa Hải Dương trước thế kỉ X- tr 20 (Tiếp)
Chủ đề 3: Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên	12-13	12-13	Vị trí địa lí và giới hạn hành chính
	14	14	Đặc điểm tự nhiên: I.Địa hình và cảnh quan
	15	15	Đặc điểm tự nhiên: II. Khí hậu
	16	16	Đặc điểm tự nhiên : III. Đất đai và sông ngòi
	17	17	Đặc điểm tự nhiên: IV. Sinh vật
	18	18	- Đặc điểm tự nhiên: V. Khoáng sản
Chủ đề 4: Bảo vệ môi trường tự nhiên <i>Đặng Thùy Trang</i>	19	19	Hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Hải Dương
	20	20	Hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Hải Dương (Tiếp)
	21	21	Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường ở Hải Dương
	22	22	Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường ở Hải Dương (Tiếp) <i>1Trường THCS Lê Lợi</i>

	23	23	Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường ở Hải Dương (Tiếp theo)
	24	24	Hậu quả của ô nhiễm môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Hải Dương
	25	25	Hậu quả của ô nhiễm môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Hải Dương (Tiếp)
	26	26	Khái lược về văn học dân gian Hải Dương và truyện cổ dân gian Hải Dương
Chủ đề 5: Truyện cổ dân gian Hải Dương	27	27	Khái lược về văn học dân gian Hải Dương và truyện cổ dân gian Hải Dương(T)
	28	28	Kiểm tra giữa kì II
	29	29	Một số truyện dân gian Hải Dương Đọc và tìm hiểu văn bản : Văn bản: Sự tích sông Kinh Thầy
	30	30	Một số truyện dân gian Hải Dương Đọc và tìm hiểu văn bản : Sự tích sông Kinh
	31	31	Thầy (Tiếp)
	32	32	Một số truyện dân gian Hải Dương Đọc và tìm hiểu văn bản: Truyền thuyết về Yết Kiêu
	33	33	Một số truyện dân gian Hải Dương Đọc và tìm hiểu văn bản: Truyền thuyết về Yết Kiêu (Tiếp)
	34	34	Ôn tập
	35	35	Kiểm tra học kì II

CHỦ ĐỀ 1 : LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HẢI DƯƠNG TỪ THỜI TIỀN SỬ ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ THỨ X

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết được lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Hải Dương từ thời tiền sử đến thế kỉ thứ X
- + Thấy được sự phân bố của người Việt cổ ở Hải Dương
- Trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của Hải Dương từ thời tiền sử đến thế kỉ X.
- Nhận xét được lịch sử hình thành và phát triển của Hải Dương so với lịch sử dân tộc.
- Giới thiệu được về một di tích, di vật hoặc địa danh tiêu biểu ở địa phương có liên quan đến thời kì này.

2. Về năng lực:

- Có năng lực phân tích thông tin, quan sát hình ảnh, lược đồ
- Năng lực khái quát hóa, tổng hợp liên hệ

3. Về phẩm chất:

- Tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và lao động
- Sáng tạo trong học tập
- Yêu mến và tự hào về quê hương

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1,2: NGƯỜI VIỆT CỔ TRÊN ĐẤT HẢI DƯƠNG

1. Mục tiêu

- Biết được một số di chỉ chứng tỏ sự tồn tại của người Việt cổ trên đất Hải Dương

2. Nội dung:

- Theo dõi, quan sát tài liệu và phát hiện thông tin và liên hệ cuộc sống.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện

Tiết 1

Hoạt động 1: Khởi động

B1: GV nêu câu hỏi:

Người Việt cổ đã xuất hiện và để lại dấu tích ở nhiều nơi trên đất Việt Nam. Vùng đất Hải Dương có dấu tích của người Việt cổ không?

B2: HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến của mình.

B3: GV nhận xét để kết nối vào bài học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

B1. – GV giới thiệu về Tỉnh Hải Dương

* **Tên gọi "Hải Dương"** có nghĩa là "ánh sáng từ miền duyên hải chiếu về".

* **Địa giới hành chính Hải Dương qua các thời kỳ lịch sử**

- Lúc đầu là một bộ phận thuộc Dương Tuyền (thời Hùng Vương)
- Thiên niên kỉ thứ I: Giao Chỉ, Giao Châu
- Nam Sách Lộ, Hồng Lộ (thời Lý, Trần)
- Hồng Châu, Nam Sách Châu (cuối thế kỷ XVI)
- Thừa Tuyên, Hải Dương (năm Quang Thuận thứ 10 - năm 1469)
- Năm 1831, tỉnh Hải Dương chính thức được thành lập (lúc này tỉnh Hải Dương còn có tên gọi là tỉnh Đông), bao gồm 3 phủ : Phủ Thượng Hồng, Phủ Nam Sách, Phủ Kinh Môn
- Năm 1968, tỉnh Hải Dương hợp nhất với tỉnh Hưng Yên thành tỉnh **Hải Hưng**.
- Tháng 1-1997, tỉnh Hải Hưng tách ra thành 2 tỉnh Hải Dương và Hưng Yên, tỉnh lỵ tỉnh Hải Dương là thị xã Hải Dương.

*Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu:

Tại hang Thánh Hoá (phường Dục Tân, thị xã Kinh Môn) và hang Dê (phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn)



Đặng Thùy Trang



4 Trường THCS Lê Lợi

ôn), các nhà khảo cổ học phát hiện được sọ và răng người tối cổ hoá thạch có niên đại khoảng 50000 đến 30000 năm cách ngày nay. -> Điều này chứng tỏ từ thời kì đồ đá, Hải Dương đã có người tối cổ sinh sống

HD của GV - HS	Kết quả cần đạt
1. Những dấu tích nào chứng tỏ người Việt cổ đã sinh sống trên vùng đất Hải Dương . 2. Bằng chứng nào chứng tỏ người Việt cổ đã sinh sống trên khắp các vùng của Hải Dương B2. HS chia sẻ phần thông tin trong SGK. B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá. B4. Giáo viên tổng hợp, chốt kiến thức.	1. Dấu tích của người Việt cổ trên đất Hải Dương - Tại hang Thánh Hoá (phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn) và hang Dê (phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn), các nhà khảo cổ học phát hiện được sọ và răng người tối cổ hoá thạch có niên đại khoảng 50000 đến 30000 năm cách ngày nay. ➔ Điều này chứng tỏ từ thời kì đồ đá, Hải Dương đã có người tối cổ sinh sống. - Đến thời kì văn hoá Đông Sơn, dấu tích con người được tìm thấy ở hầu hết các huyện trên địa bàn tỉnh. + Hệ thống mũi tên đồng, giáo đồng và rìu đồng, máchèo và đồ gốm được tìm thấy tại nhiều địa phương
GV: Hệ thống mũi tên đồng, giáo đồng và rìu đồng được tìm thấy tại hang Tối (núi Nhấm Dương, thị xã Kinh Môn). Hệ thống mộ thuyền cùng với nhiều đồ tuỳ táng bằng đồng, máchèo và đồ gốm được tìm thấy tại nhiều địa phương (thị xã Kinh Môn, thành phố Chí Linh, huyện Nam Sách, huyện Kim Thành, huyện Gia Lộc, ...). Trống đồng được tìm thấy tại huyện Thanh Hà và Tứ Kỳ	

Chuyển tiết 2:

* Mở đầu

? Em hãy cho biết những dấu tích chứng tỏ người Việt cổ từng sinh sống trên đất Hải Dương

- HS trình bày
- GV nhận xét

B1: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và theo dõi thông tin trong SGK

Trong thời kì đồ đá, theo các di vật khảo cổ tại Nhấm Dương, người Việt cổ ở Hải Dương chủ yếu sinh sống bằng hoạt động khai thác tự nhiên, trong đó, hái lượm và săn bắt động vật là trò chơi.

Đến thời đại kim khí, những hiện vật tìm thấy trong các mộ táng cho thấy hoạt động kinh tế của người Việt cổ ở Hải Dương rất phong phú. Các hoạt động chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, luyện kim, làm gốm và đánh bắt cá.

HD của GV - HS	Kết quả cần đạt
----------------	-----------------

2. HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi ? Hoạt động động kinh tế của người Việt cổ trong thời kì đồ đá trên đất Hải Dương ? Đến thời đại kim khí hoạt động kinh tế của người Việt cổ có đặc điểm gì B2: - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét. B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ	3. Hoạt động kinh tế của người Việt cổ trên đất Hải Dương a. Thời kì đồ đá chủ yếu sinh sống bằng hoạt động khai thác tự nhiên + Hái lượm và săn bắt động vật trò chính. b. Thời đại kim khí : hoạt động kinh tế của người Việt cổ ở Hải Dương rất phong phú. + Các hoạt động chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, luyện kim, làm gốm và đánh bắt cá.
Hoạt động 3: Luyện tập B1: GV yêu cầu HS thảo luận ? Điều kiện tự nhiên của Hải Dương xưa có những thuận lợi gì cho người Việt cổ tại Hải Dương B2: HS suy nghĩ thảo luận và trả lời câu hỏi B3: HS trình bày B4: Gv nhận xét, chốt ý: - Điều kiện: + Đất đai: sét, cao lạnh (đồ gốm), phù sa (trồng trọt) + sông ngòi nhiều : đánh bắt cá + Địa hình núi đồi (Chí Linh, Kinh Môn) -> săn bắt Hoạt động 4: Vận dụng B1: GV giao nhiệm vụ ? Sưu tầm hình ảnh và giới thiệu về các hiện vật khảo cổ học được tìm thấy tại Hải Dương thời kì này. B2: HS tự tìm tòi, sưu tầm Chuẩn bị bài sau: Chủ đề 2: Hải Dương trong thời kì Văn Lang- Âu Lạc	

Tuần 21

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 3,4: HẢI DƯƠNG TRONG THỜI KÌ VĂN LANG – ÂU LẠC

1. Mục tiêu

- Nêu sự phát triển của vùng đất Hải Dương trong thời kì Văn Lang – Âu Lạc

2. Nội dung:

- Theo dõi, nghiên cứu tài liệu và phát hiện thông tin và liên hệ cuộc sống.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện

Tiết 3

Hoạt động 1: Khởi động

B1: GV nêu câu hỏi:

Em hãy cho biết các hoạt động kinh tế của người Việt cổ trên đất hải Dương qua các thời kì?

B2: HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến của mình.

B3: GV nhận xét để kết nối vào bài học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

NV1:

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu:

Thời kì nhà nước Văn Lang –

Âu Lạc (từ thế kỉ VII đến thế kỉ II TCN), vùng đất Hải Dương thuộc Bộ Dương Tuyền, 1 trong 15 Bộ của cả nước, có trung tâm là Thành Dền (nay thuộc thôn Ngọc Lặc, xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương).

Bộ Dương Tuyền gồm vùng đất của Hải Dương; huyện Mỹ Hào (Hưng Yên); các huyện Vĩnh Bảo, An Hải, An Lão, Đồ Sơn và các quận Ngô Quyền, Lê Chân, Hồng Bàng (Hải Phòng); huyện Đông Triều (Quảng Ninh) hiện nay.

Hải Dương ngày nay có nhiều di tích lịch sử – văn hoá (đình, đền, miếu) thờ các tướng lĩnh

thời Hùng Vương, điển hình là: đền Bảo Sài (phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương) thờ công chúa Tiên Dung và họ Chử; đình Lễ Quán (phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương) và đình

làng Mai Trung (xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng) thờ Thục Phán An Dương Vương.

Đặng Thùy Trang

7 Trường THCS Lê Lợi

Thời kỳ này, người Việt đã định cư rộng khắp các vùng đất của Hải Dương, từ đó hình thành các làng cổ.

Dấu tích của các làng cổ còn để lại tại các địa phương: Chí Linh (có làng cổ Dưộc Sơn và Hàm Ếch); Kinh Môn (có làng cổ Đồi Thông, Duy Tân, Nhâm Dương); Kim Thành (có làng cổ Dương Xá); Ninh Giang (có làng cổ Bồ Dương),...

HĐ của GV - HS	Kết quả cần đạt
HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi ? Nêu những minh chứng khẳng định kinh tế Hải Dương đã chuyển sang kinh tế sản xuất từ thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc. B2: - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét. B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ - GV giới thiệu một số hình ảnh về đền thờ và làng cổ qua ti vi	1. Dấu tích lịch sử Hải Dương thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc. - Thời kỳ nhà nước Văn Lang – Âu Lạc (từ thế kỷ VII đến thế kỷ I TCN), vùng đất Hải Dương thuộc Bộ Dương Tuyền - Có nhiều di tích lịch sử – văn hoá (đình, đền, miếu) thờ các tướng lĩnh thời Hùng Vương: + Đền Bảo Sài (phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương) thờ công chúa Tiên Dung và họ Chử + Đình Lễ Quán (phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương) - Hình thành các làng cổ + Chí Linh có làng cổ Dưộc Sơn và Hàm Ếch) + Kinh Môn có làng cổ Đồi Thông + Ninh Giang (có làng cổ Bồ Dương)

Tiết 4

Hoạt động 1: Khởi động

B1: GV nêu câu hỏi:

Em hãy kể tên một số di tích lịch sử và các làng cổ thể hiện văn hóa thời kỳ Văn Lang- Âu Lạc ở Hải Dương

B2: HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến của mình.

B3: GV nhận xét để kết nối vào bài học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

NV1:

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu:

Hoạt động kinh tế của người Dương Tuyền ngày càng phong phú. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa nước, đánh bắt cá và chăn nuôi. Bên cạnh đó, nhiều nghề thủ công cũng phát triển mạnh mẽ như làm gốm, dệt, mộc, đan lát, luyện kim,...

Số lượng công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt và các hiện

vật khảo cổ trong các di tích văn hoá Đông Sơn tại Hải Dương cho thấy Hải Dương thời Văn Lang

g—

Âu Lạc có nền nông nghiệp tương đối toàn diện; chăn nuôi phát triển; kỹ thuật đúc đồng đạt đến đỉnh cao.

Sự phát triển của trồng trọt và chăn nuôi là bước tiến quan trọng của kinh tế Hải Dương thời kỳ này: chuyển từ kinh tế phụ thuộc vào tự nhiên sang kinh tế sản xuất.

Hình ảnh bông lúa trên trống đồng; hệ thống đồ đựng bằng gốm, đồng và đồ đun nấu được phát hiện tại Hải Dương thời Văn Lang—Âu Lạc khẳng định hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Hải Dương đã rất phát triển. Nghề chăn nuôi cũng đã phổ biến, thể hiện qua hình khắc họa muông thú trên đồ đồng; hình chó săn hươu khắc trên rìu đồng tại Nhâm Dương.

HĐ của GV - HS	Kết quả cần đạt
HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi ? Thời kỳ Văn Lang- Âu Lạc, thuộc bộ nào? ? Dấu tích lịch sử được thể hiện trong thời kỳ này được thể hiện ra sao - Kể tên các hoạt động kinh tế của con người trên đất Hải Dương - Qua đó em có nhận xét gì? B2: - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét. B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ	2. Hoạt động kinh tế của người Việt ở Hải Dương thời kỳ Văn Lang—Âu Lạc - Sản xuất nông nghiệp + Trồng lúa nước, đánh bắt cá + Chăn nuôi. + Hình ảnh bông lúa trên trống đồng; hệ thống đồ đựng bằng gốm, đồng và đồ đun nấu được phát hiện tại Hải Dương thời Văn Lang—Âu Lạc khẳng định hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Hải Dương đã rất phát triển + Nghề chăn nuôi cũng đã phổ biến, thể hiện qua hình khắc họa muông thú trên đồ đồng; hình chó săn hươu khắc trên rìu đồng tại Nhâm Dương. - Nghề thủ công cũng phát triển mạnh mẽ như làm gốm, dệt, mộc, đan lát, luyện kim,...

Hoạt động 3: Luyện tập- Vận dụng

B1: GV yêu cầu HS thảo luận

? Sự tâm tư liêu và giới thiệu về một di tích gắn với thời Văn Lang –

Âu Lạc tại Hải Dương.

B2: HS suy nghĩ thảo luận và trả lời câu hỏi

B3: HS trình bày

B4: Gv nhận xét, chốt ý:

* Tự học : Chuẩn bị bài sau: **Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc (Thế kỉ II TCN- đầu thế kỉ X)**

Tuần 21

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 5,6:HẢI DƯƠNG TRONG THỜI KÌ BẮC THUỘC

(thế kỉ II TCN - đầu thế kỉ X)

1. Mục tiêu

- Biết được tình hình kinh tế văn hóa xã hội của Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc
- Tình hình đấu tranh chống phong kiến phương Bắc của nhân dân Hải Dương

2. Nội dung:

- Theo dõi, nghiên cứu tài liệu và phát hiện thông tin và liên hệ cuộc sống.
- Một số thông tin tham khảo

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện

Tiết 5

Hoạt động 1: Khởi động

B1: GV giới thiệu dẫn dắt vào bài

Từ năm 179 TCN, nước Âu Lạc mất quyền độc lập trước cuộc xâm lược của nhà Triệu và bị đặt dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc. Song, trong suốt hơn

1 000 năm Bắcthuộc, dân tộc ta không ngừng đấu tranh kiên cường, bền bỉ để giành lại độc lập, tự do. Trong dòng chảy lịch sử đó, Hải Dương có những thay đổi gì? Nhân dân Hải Dương đã tham gia vào các cuộc đấu tranh của dân tộc như thế nào?.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu

HD của GV - HS	Kết quả cần đạt
HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi ? Đặc điểm kinh tế của Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc ? Trong xã hội, tình Hải dương thời kì này có những thay đổi gì? ? Về văn hóa ở Hải Dương thời kì này có những thay đổi gì? ? Em nêu hiểu biết của bản thân về tín ngưỡng phồn thực và sùng bái tự nhiên của người Hải Dương thời kì này qua các lễ hội, sinh hoạt văn hóa dân gian B2: - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét. B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ	1. Tình hình kinh tế – xã hội Hải Dương thời Bắc thuộc a. Kinh tế - Sản xuất nông nghiệp tại Hải Dương thời kì này phát triển mạnh. - Bên cạnh đó, các nghề thủ công như: đúc đồng, rèn sắt, dệt vải, dệt chiếu, sản xuất đồ gốm, gạch nung, ... cũng phổ biến rộng khắp b. Xã hội: có sự phân hóa mạnh mẽ - Tầng lớp quý tộc địa chủ người Hán - Quý tộc địa chủ người Việt dần đến sự hình thành một tầng lớp địa chủ có thế lực tại Hải Dương. c. Văn hóa: - Văn hóa cổ truyền được giữ vững - Tín ngưỡng phồn thực và sùng bái tự nhiên phát triển mạnh

Tiết 6

Hoạt động 1: Khởi động

B1: GV nêu câu hỏi:

Em hãy nêu một nét tiêu biểu của Hải Dương về kinh tế, văn hóa, xã hội trong thời kì Bắc thuộc

B2: HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến của mình.

B3: GV nhận xét để kết nối vào bài học.

Đặng Thùy Trang

11 Trường THCS Lê Lợi

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu

HĐ của GV - HS	Kết quả cần đạt
HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi ? Em hãy cho biết cuộc đấu tranh chống phương Bắc của dân Hari Dương diễn ra như thế nào? - Qua đó em có nhận xét gì? B2: - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét. B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ Theo sử liệu, khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa, hai nữ tướng Thiện Nhân và Thiện Khánh được giao nhiệm vụ trấn giữ Hải Đông. Hai chị em nhanh chóng chiêu mộ lực lượng, lập đại bản doanh tại Huê Trì. Sau thất bại của thái thú Tô Định, vua Hán Quang Vũ sai Phục Ba tướng quân Mã Viện tiếp tục đem quân sang. Do tướng quân lực lượng quá chênh lệch nên nghĩa quân bị đánh bại. Hai nữ tướng rút về Huê Trì và tử tiết tại đó. Trương Mỹ là vị tướng văn võ song toàn. Lực lượng của ông được gọi là aotie đánh theo đường thủy, lập đồn trại ở Bạch Đằng Giang, góp công lớn vào chiến thắng của khởi nghĩa Hai Bà Trưng. - Khúc Thừa Dụ là một hào trưởng có uy tín tại đất Hồng Châu. Sau khi chiếm phủ Tống Bình, ông đã tự xưng là Tiết độ sứ, buộc nhà Đường phải chấp nhận việc người Việt cai quản đất Việt. Khúc Thừa Dụ đã bãi bỏ hệ thống quan lại và những chính sách cai trị của chế độ cũ, xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt. Họ Khúc đã giành chính quyền bằng chính sách ngoại giao mềm dẻo, tạo môi trường hoà bình để cải cách, xây dựng đất nước; tạo nền móng cho kinh uyên độc lập, tự chủ và phát triển hưng thịnh của dân tộc Việt Nam sau hơn 10	2. Cuộc đấu tranh chống phương Bắc của nhân dân Hải Dương - Thời kì khởi nghĩa hai Bà Trưng: các tướng quân Thiện Nhân, Thiện Khánh, Trương Mỹ cùng nổi dậy đấu tranh. - Trong cuộc khởi nghĩa của Lý Bí (năm 542 – 544), nhân dân Hải Dương tích cực tham gia đấu tranh chống quân Lương dưới sự lãnh đạo của anh hùng Lý Quốc Bảo - Năm 905, Khúc Thừa Dụ chiêu binh mã nổi dậy chống quân đô hộ phương Bắc, giành quyền tự chủ cho dân tộc Việt Nam.

Hoạt động 3: Luyện tập- Vận dụng

B1: GV yêu cầu HS thảo luận

?

Đánh giá tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân Hải Dương thời Bắc thuộc.

?

Sưu tầm, giới thiệu về một di tích lịch sử hoặc danh nhân của Hải Dương gắn với lịch sử thời Bắc thuộc.

B2: HS suy nghĩ thảo luận và trả lời câu hỏi

B3: HS trình bày

B4: Gv nhận xét, chốt ý:

* Tự học : Chuẩn bị bài sau: **VĂN HÓA HẢI DƯƠNG TRƯỚC THẾ KỈ THỨ X
THÀNH TỰU VÀ BẢN SẮC**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 2 : VĂN HÓA HẢI DƯƠNG TRƯỚC THẾ KỈ THỨ X THÀNH TỰU VÀ BẢN SẮC

I. MỤC TIÊU (Học xong chủ đề, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Trình bày được những thành tựu văn hoá và nhận diện được đặc trưng văn hoá bản địa của Hải Dương trước thế kỉ X.
- Nhận xét được đặc trưng, giá trị văn hoá truyền thống của Hải Dương so với văn hoá truyền thống dân tộc.
- Tìm hiểu và giới thiệu được một số tín ngưỡng, phong tục, tập quán,... bản địa và liên hệ được sự bảo tồn của các thành tựu văn hoá truyền thống trên địa bàn tỉnh hiện nay.

Đặng Thùy Trang

13 Trường THCS Lê Lợi

2. Về năng lực:

- Có năng lực phân tích thông tin, quan sát hình ảnh, lược đồ
- Năng lực khái quát hóa, tổng hợp liên hệ

3. Về phẩm chất:

- Tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và lao động
- Sáng tạo trong học tập
- Yêu mến và tự hào về quê hương

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: tranh ảnh

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 7,8,: MỘT SỐ DI SẢN VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA HẢI DƯƠNG TRƯỚC THẾ KỈ X

1. Mục tiêu

- Biết được một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Dương trước thế kỉ thứ X

2. Nội dung:

- Theo dõi, quan sát tài liệu và phát hiện thông tin và liên hệ cuộc sống.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện

Tiết 7

Hoạt động 1: Khởi động

B1: GV nêu câu hỏi:

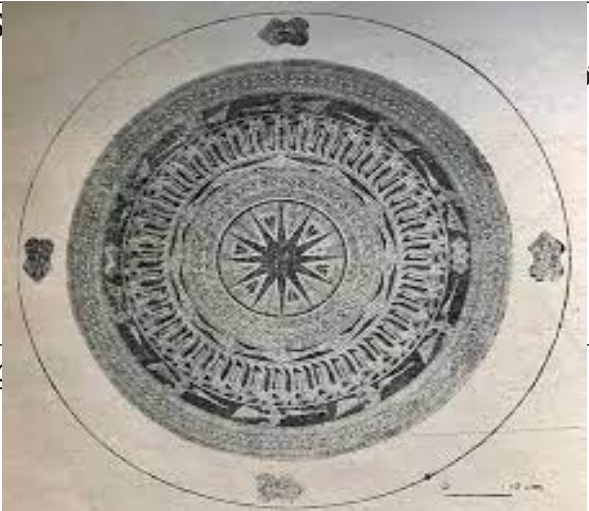
Kể những di sản văn hoá tiêu biểu của Hải Dương thời kì trước thế kỉ X mà em biết.

B2: HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến của mình.

B3: GV nhận xét để kết nối vào bài học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu

HD của GV - HS		Kết quả cần đạt
HS ? ?		1. Trống đồng tại Hải Dương: * Bao gồm - Trống Hữu Chung (thôn Hữu Chung, xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ, năm 1961)-> đẹp

? Hoa văn trên trống đồng Hữu Chung phản ánh điều gì?
 ? Em hãy cho biết trống đồng thường được sử dụng trong khi nào
 ? Hình ảnh trống đồng là minh chứng giúp em hiểu thêm điều gì về người Hải Dương



B2: - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét.

B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ

và nguyên vẹn nhất, tiêu biểu cho nghệ thuật của trống đồng Đông Sơn.

- Trống Làng Gọp (xã Tiền Tiến, thành phố Hải Dương, năm 1976)

- Trống Hoàng Lại (thôn Hoàng Lại, xã An Lương, huyện Thanh Hà, năm 2005).

-> Trống đồng là nhạc khí phục vụ trong các lễ hội cầu mưa, cầu mùa của người Việt

Hoa văn trên trống đồng Hữu Chung rất đặc sắc. Mặt trống có 4 khối tượng cóc đắp nổi và những hoa văn chính như: ngôi sao 12 cánh; hình người đội mũ gắn lông chim cách điệu; chim mỏ dài, đầu dài quay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ;...

Thân trống có hình những chiếc thuyền lớn nhỏ xen kẽ nhau. Thuyền có dáng cong như hình chim, ở đuôi có bánh lái; đầu thuyền được tạo giống hình chim; trên thuyền có hình người đội mũ lông

chim cách điệu, được sắp xếp từng cặp. Quai trống được trang trí hoa văn thừng tết hình bông lúa

Hoạt động 3: Luyện tập- Vận dụng

B1: GV yêu cầu HS thảo luận

? Ngoài các loại trống đồng được tìm thấy ở Hải Dương em hãy kể thêm tên một số loại trống đồng mà em biết?

? Hoa văn trên trống đồng được khắc họa tinh xảo thể hiện trình độ trong lĩnh vực nào của người Hải Dương

B2: HS suy nghĩ thảo luận và trả lời câu hỏi

B3: HS trình bày

B4: Gv nhận xét, chốt ý:

* Tự học : Chuẩn bị bài sau : Tìm hiểu một số di sản văn hóa của Hải Dương

+ Tìm đọc trên internet

+ Đọc trước tài liệu

Tiết 8

Hoạt động 1: Khởi động

B1: GV nêu câu hỏi:

? *Em đã từng quan sát thấy trống đồng ở đâu? Nêu những hiểu biết của em về trống đồng ?*

B2: HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến của mình.

B3: GV nhận xét để kết nối vào bài học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu

HD của GV - HS	Kết quả cần đạt
HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi ? Từ thông tin trong tài liệu kết hợp hiểu biết của bản thân em hãy cho biết mộ thuyền là gì? ? Em hãy cho biết vì sao mộ thuyền khá phổ biến ở Hải Dương?  ? Ngoài mộ thuyền các nhà khảo cổ còn tìm thấy những dấu tích nào nữa về văn hóa của người Hải Dương trước thế kỉ X ? Hãy kể tên các đồ tùy táng được tìm thấy trong các mộ thuyền - Qua đó em có nhận xét gì? B2: - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét. B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ Mộ thuyền là hình thức chôn cất độc đáo của người Việt cổ ở Hải Dương. Những di vật trong mộ thuyền là tư liệu lịch sử quý báu, phản ánh nhiều khía cạnh về đời sống xã hội của cư dân xứ Đông xưa. Mộ thuyền là mộ mà quan tài là một thân cây lớn, được chẻ làm đôi, khoét rỗng, rồi đặt xác và đồ tùy táng vào trong. Sau đó, người ta dùng dây mây nẹp lại, chốt miệng, bít kín các kẽ hở cho nước không thấm vào rồi đem chôn.	2. Mộ thuyền ở Hải Dương - Mộ thuyền là vật dụng bằng thân cây đã khoét rỗng để chôn cất người thân khi mất - Dò sinh sống tại vùng trũng nên cư dân Hải Dương thời cổ đại đã dùng mộ thuyền làm vật dụng chôn cất người thân khi mất. - Đồ tùy táng được tìm thấy là các vật dụng như: đồ dùng bằng đá, đồng, gỗ, xương sừng; đồ gốm (bát đĩa, chén, âu, nồi, ...); máchèo; đồ đồng; ... Một số mộ có cả đồ sắt.

Cho đến nay, đã phát hiện 8 khu mộ thuyền với tổng số 20 mộ đã được khai quật và nghiên cứu tại nhiều địa phương của Hải Dương như Kinh Môn, Chí Linh, Nam Sách, Kim Thành, Gia Lộc,



Hoạt động 3: Luyện tập- Vận dụng

B1: GV yêu cầu HS thảo luận

? Đánh giá tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân Hải Dương thời Bắc thuộc.

? Sưu tầm, giới thiệu về một di tích lịch sử hoặc danh nhân của Hải Dương gắn với lịch sử thời Bắc thuộc.

B2: HS suy nghĩ thảo luận và trả lời câu hỏi

B3: HS trình bày

B4: Gv nhận xét, chốt ý:

* Tự học :

? Giới thiệu với bạn bè về ý nghĩa của trống đồng Đông Sơn và di vật mộ thuyền tại Hải Dương.

+ Tìm hiểu thêm một số thông tin về mộ thuyền và khai thác mộ thuyền

+ Chuẩn bị bài sau : KIỂM TRA GIỮA KÌ, ÔN TẬP CÁC KIẾN THỨC TỪ ĐẦU NĂM

Ngày soạn

Ngày dạy:

TIẾT 9: KIỂM TRA GIỮA KÌ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố kiến thức đã học từ đầu học kì I: dấu tích của người Việt cổ trên đất
Đặng Thùy Trang

18 Trường THCS Lê Lợi

Hải Dương, những nét hình về văn hóa, kinh tế của Hải Dương trong thời kì Văn Lang – Âu lạc và thời kì Bắc thuộc và phong trào đấu tranh giải đòi quyền tự chủ, độc lập dân tộc

- Hệ thống hóa kiến thức, vận dụng vào bài làm

2. Về năng lực:

- Có năng lực phân tích thông tin
- Năng lực khái quát hóa, tổng hợp liên hệ

3. Về phẩm chất:

- Tự giác, tích cực, chủ động trong học tập
- Sáng tạo trong học tập
- Yêu mến và tự hào về quê hương

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Đề bài, đáp án

III. MA TRẬN

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
Người Việt Cổ trên đất Hải Dương	- HS tri thức nhận biết được ý nghĩa của tên gọi Hải Dương, cũng như nêu được bawgf chứng của người Việt Cổ trên đất Hải Dương			
Câu, ý Điểm Tỉ lệ	2 3			
Hải Dương trong thời kì Văn Lang Âu lạc		- Hiểu và lí giải được bước tiến quan trọng của sự phát triển của người thời Văn Lang Âu Lạc		
Câu, ý Điểm Tỉ lệ		1 3		
Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc			- Chứng minh được tình thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của nhân dân hải Dương thời kì Bắc thuộc, liên hệ việc làm	

			của bản thân	
Câu, ý			2	
Điểm			4	
Tỉ lệ				
Tổng câu, ý	2	1	2	5
T. điểm	3	3	4	10
Tỉ lệ	30	30	40	100

IV. ĐỀ BÀI

Câu 1: (3 đ)

- Em hãy cho biết tên gọi Hải Dương có ý nghĩa gì?
- Bằng chứng nào chứng tỏ người Việt cổ đã sinh sống trên khắp các vùng của Hải Dương

Câu 2: (3 đ) Tại sao nói sự phát triển của trồng trọt và chăn nuôi là bước tiến quan trọng trong thời kì Văn Lang- Âu Lạc ở Hải Dương

Câu 3: (4 đ)

- Tại sao nói tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân Hải Dương thời Bắc thuộc diễn ra mạnh mẽ.
- Bản thân em đã làm gì để phát huy tình thần yêu nước của nhân dân ta

V. ĐÁP ÁN

Câu	Yêu cầu
1	a. Tên gọi "Hải Dương" có nghĩa là "ánh sáng từ miền duyên hải chiếu về". b - Các nhà khảo cổ học phát hiện được sọ và răng người tối cổ hoá thạch có niên đại khoảng 50 000 đến 30 000 năm cách ngày nay tại Kim Môn. - Đến thời kì văn hoá Đông Sơn, dấu tích con người được tìm thấy ở hầu hết các huyện trên địa bàn tỉnh hệ thống mũi tên đồng, giáo đồng và rìu đồng, mác chèo và đồ gốm được tìm thấy tại nhiều địa phương
2	- Sự phát triển của trồng trọt và chăn nuôi là bước tiến quan trọng trong thời kì Văn Lang- Âu Lạc ở Hải Dương đó chính là bước tiến chuyển từ kinh tế phụ thuộc vào tự nhiên sang kinh tế sản xuất. + Người tối cổ: săn bắt hái lượm + Thời Văn Lang- Âu Lạc: trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công
3	a. - Thời kì khởi nghĩa hai Bà Trưng: có các tướng quân Thiệu Nhân, Thiệu Khánh, Trương Mỹ cùng nổi dậy đấu tranh . - Trong cuộc khởi nghĩa của Lý Bí (năm 542 –544), nhân dân Hải Dương tích cực tham gia đấu tranh chống quân Lương dưới sự lãnh đạo của anh hùng Lý Quốc Bảo

	- Khúc Thừa Dụ chiêu binh mã nổi dậy chống quân đô hộ phương Bắc, giành quyền tự chủ cho dân tộc Việt Nam. b. Việc làm: Kể ít nhất được 2 việc làm của bản thân - Tự hào về truyền thống của quê hương - Tích cực tự giác học tập và rèn luyện bản thân để trở thành con ngoan trò giỏi - Có ý thức bảo vệ môi trường sống xung quanh
	<u>Biểu điểm:</u> - Đạt: HS đảm bảo được tối thiểu 50% các ý trên - Chưa đạt: Dưới 50 % các ý trên

VI. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Xem lại kiến thức có trong bài kiểm tra
- Chuẩn bị bài sau: Văn hóa Hải Dương trước thế kỉ thứ X

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 10,11: VĂN HÓA HẢI DƯƠNG TRƯỚC THẾ KỈ X (TIẾP)

1. Mục tiêu

- Biết được đặc điểm văn hóa về vật chất và tinh thần của Hải Dương trước thế kỉ thứ X gồm 2 giai đoạn: thời kì Văn Lang- Âu Lạc và thời kì Bắc thuộc
- + Văn hóa qua phương diện vật chất
- + Phương diện tinh thần

2. Nội dung:

- Theo dõi, quan sát tài liệu và phát hiện thông tin và liên hệ cuộc sống.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện

Tiết 10

Hoạt động 1: Khởi động

Không chỉ mang những đặc trưng chung của văn hoá Đông Sơn, thành tựu văn hoá Hải Dương còn thể hiện những sắc thái độc đáo riêng, có tính vùng miền. Điều đó được thể hiện như thế nào? Chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu trong tiết học hôm nay

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

1. Văn hoá Hải Dương thời Văn Lang – Âu Lạc:

a. Văn hóa vật chất

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu

? Em hãy cho biết nền văn hóa của người Hải Dương ở phương diện vật chất trong thời kì Văn Lang- Âu Lạc được thể hiện như thế nào

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm
 - + Nhóm 1: Tìm hiểu phương diện thức ăn
 - + Nhóm 2: Phương diện nhà ở
 - + Nhóm 3: Trang phục
 - + Nhóm 4: Phương tiện đi lại

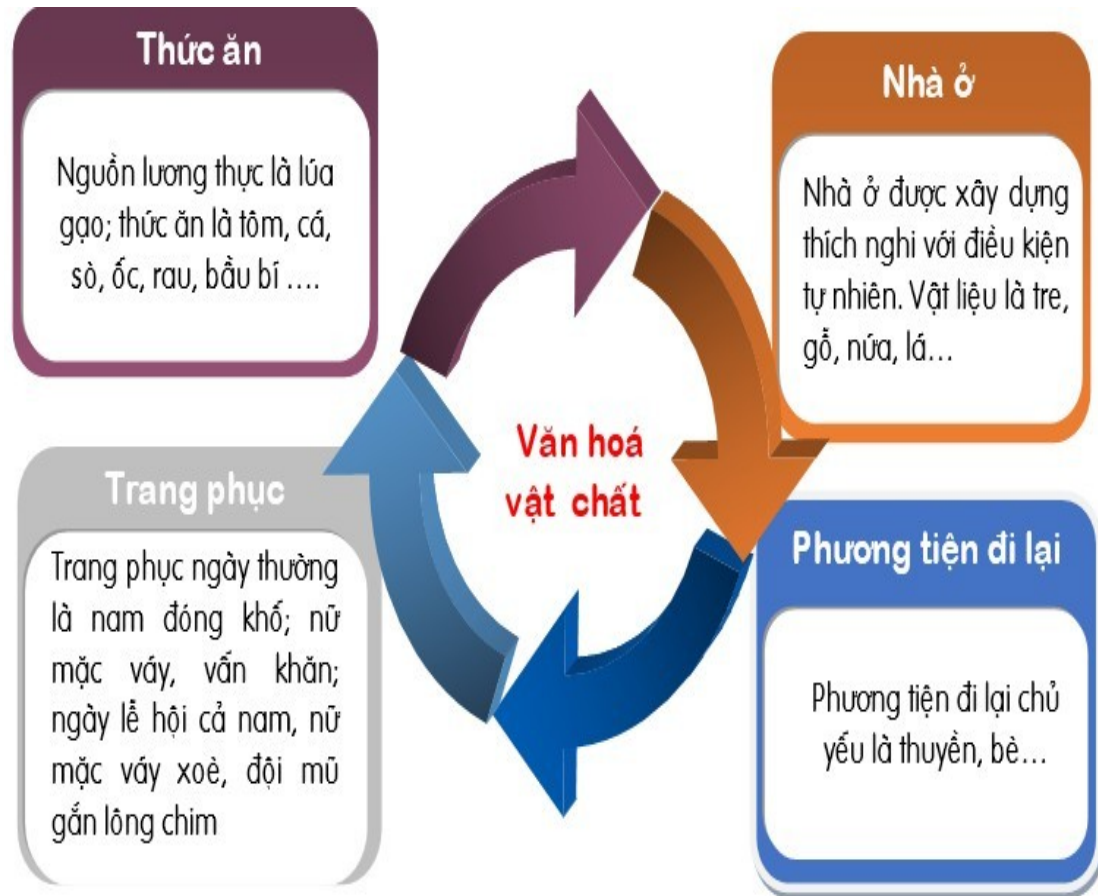
? Em hãy cho biết nguyên nhân vì sao văn hóa của người Hải Dương thời Văn lang- Âu Lạc ở phương diện vật chất lại phong phú đa dạng

B2: - HS làm việc cá, làm việc nhóm và trình bày

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý

B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác và HS nhóm khác nhận xét.

B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ



➔ Nền kinh tế nông nghiệp lúa nước và vốn là vùng đất có địa hình đa dạng, sản vật phong phú nên thành tựu văn hoá bản địa của Hải Dương rất đa dạng.

Hoạt động 3: Luyện tập- Vận dụng

B1: GV yêu cầu HS thảo luận

? *Tại sao nói nền văn hóa bản địa của Hải Dương rất đa dạng ở phương diện vật chất*

? *Em hãy kể tên các dạng địa hình và sự phân bố của chúng trên địa bàn Hải Dương*

B2: HS suy nghĩ thảo luận và trả lời câu hỏi

B3: HS trình bày

B4: Gv nhận xét, chốt ý:

* Tự học :

?

Sưu tầm, giới thiệu về những nét văn hóa truyền thống của Hải Dương còn lưu giữ tại nơi em sống.

Tiết 11

Hoạt động 1: Khởi động

? Em hãy kể tên một số yếu tố vật chất thể hiện trong nền văn hóa của người Hải Dương trong thời đại Văn Lang Âu Lạc

- HS trình bày
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu

HĐ của GV - HS	Kết quả cần đạt
HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi ? Hình thái sinh hoạt nào trở thành nét văn hóa đặc trưng của người Hải Dương thời cổ đại ? Nét sinh hoạt đặc trưng của người Hải Dương thời cổ đại đã làm nên mối quan hệ của họ thế nào? ? Những tục lệ nào được hình thành nên những tục lệ văn hóa nào ? Em hãy cho biết tín ngưỡng của người Hải Dương trong thời kì này là gì ? Những nét văn hóa, tín ngưỡng đã phản ánh điều gì về con người Hải Dương thời cổ đại B2: - HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi trả lời.	1. Văn hoá Hải Dương thời Văn Lang – Âu Lạc: b. Văn hoá tinh thần - Hình thái sinh hoạt cộng đồng là nét văn hoá đặc trưng của người Hải Dương thời cổ đại -> tạo nên sự gắn kết chặt chẽ trong các dòng họ, xóm, làng -> hình thành tục lệ

Kế hoạch bài dạy Giáo dục địa phương 6

Năm học 2022-2023

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét.

B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ, yêu cầu HS quan sát một số hình ảnh

Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên là thờ các vị thần tự nhiên như thần Đất, thần Nước, Núi, Sông,... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Tín ngưỡng sùng bái con người là thờ cúng tổ tiên và những người có công tại địa phương.

- Những nét văn hoá được hình thành từ quá trình phát triển của Hải Dương, gắn với công cuộc lao động sản xuất, đấu tranh chinh phục tự nhiên và gìn giữ quê hương đã tạo nên sắc thái riêng của vùng đất và con người xứ Đông

chung như ma chay, cưới hỏi, lễ tết và những lễ hội chung,...

- Tín ngưỡng của người Hải Dương thời kì này là sùng bái tự nhiên và sùng bái con người.



2, Văn hoá Hải Dương thời Bắc thuộc

B1. Yêu cầu HS theo dõi bạn đọc phần thông tin trong tài liệu và quan sát một số hình ảnh



Đặng Thùy Trang

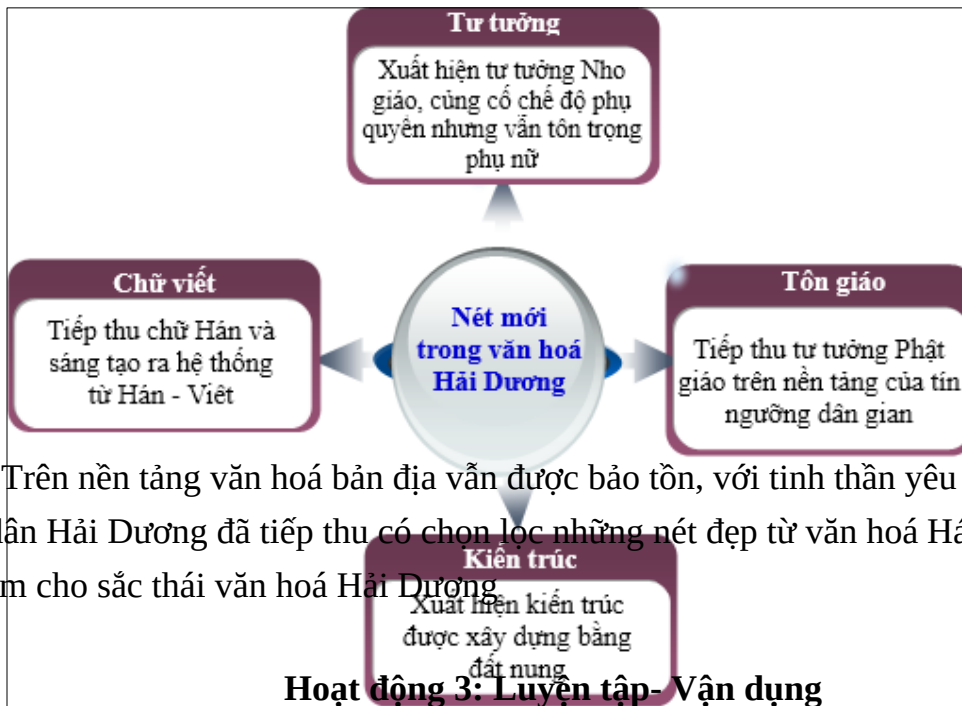
- ? Quá trình tiếp thu nền văn hóa của người Hải Dương trong kì này có gì độc đáo
- ? Tại sao nói nền văn hóa của người Hải dương thời kì này đa dạng độc đáo?
- ? Em hãy cho biết những nét mới trong nền văn hóa của con người Hải Dương ở thời kì này
- ? Các công trình kiến trúc trong thời kì này có gì đặc biệt
- ? Vẽ sơ đồ thể hiện nền văn hóa của người Hải Dương trong thời kì này
- ? Dựa vào kiến thức văn học em hãy kể một số từ Hán Việt

B2: - HS làm việc cá nhân, cặp đôi suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

B3: HS trình bày, thảo luận, nhận xét.

B4: GV tổng kết, nhận xét.



* **LH:** Trên nền tảng văn hoá bản địa vẫn được bảo tồn, với tinh thần yêu quê hương, người dân Hải Dương đã tiếp thu có chọn lọc những nét đẹp từ văn hoá Hán, làm phong phú thêm cho sắc thái văn hoá Hải Dương

B1: GV yêu cầu HS thảo luận

? Em hãy lấy dẫn chứng minh tư tưởng Phật giáo và tư tưởng Nho giáo đã được biểu hiện như thế nào trong đời sống

B2: HS suy nghĩ thảo luận và trả lời câu hỏi

B3: HS trình bày

B4: Gv nhận xét, chốt ý:

* Tự học :

? Đánh giá về sự bảo tồn và phát triển của văn hoá Hải Dương trong thời kì Bắc thuộc.

? Sưu tầm, giới thiệu về những nét văn hoá truyền thống của Hải Dương còn lưu giữ tại nơi em sống.

Tuần.....

Tiết 12

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chủ đề 3. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

TIẾT 12 - VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN HÀNH CHÍNH TỈNH HẢI DƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết được giới hạn hành chính và đặc điểm vị trí địa lí của tỉnh Hải Dương.
- Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hải Dương.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa lí**

- Biết được các phương pháp thu thập và xử lí tài liệu, phân tích thông tin, đo vẽ sơ đồ, viết báo cáo và trình bày một vấn đề cụ thể về địa lí địa phương.
- Biết các bước tổ chức, tìm hiểu, viết và trình bày một báo cáo khoa học.
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Xác định được vị trí, phạm vi lãnh thổ của tỉnh Hải Dương
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích bản đồ, tranh ảnh để nhận biết, đánh giá ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Đề xuất một số biện pháp phát huy thế mạnh về vị trí địa lí của tỉnh Hải Dương.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành phần việc giao ở nhà, trình bày được tài liệu chuẩn bị về vị trí địa lí, ý nghĩa của vị trí địa lí; chú ý lắng nghe, tham gia tích cực ...

-Trách nhiệm: Học sinh tích cực học tập, hoàn thành công việc được giao.

- Yêu nước: Có thái độ, tình cảm, tình yêu quê hương và ý thức trách nhiệm xây dựng quê hương Hải Dương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, tài liệu cho học sinh; Bản đồ Hành chính tỉnh Hải Dương, năm 2020; Tranh ảnh, thông tin có liên quan đến nội dung.

2. Học sinh: Tài liệu GDĐP lớp 6; Sưu tầm trước ở nhà tranh ảnh, thông tin có liên qua đến nội dung.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số:

- Vào bài:

+ GV nêu câu hỏi:

1. Em có những hiểu biết gì về tỉnh Hải Dương, quê hương em?

2. Có phải vì diện tích rộng lớn, giáp biển nên quê hương em mới có tên "Hải Dương" và có rất nhiều những chuyến hàng lớn (container) chở bằng đường sông, đường sắt và đường ô tô ?

+ HS trả lời theo ý hiểu

+ GV giới thiệu vào bài

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về giới hạn hành chính tỉnh Hải Dương

a) Mục tiêu:

- Biết được đặc điểm vị trí địa lí của tỉnh Hải Dương.

- Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hải Dương.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin mục 1 và quan sát hình 1 (trang 24), hãy: - Xác định trên bản đồ phạm vi lãnh thổ tỉnh Hải Dương; Tìm hiểu về diện tích của tỉnh Hải Dương, so với các tỉnh trong khu vực, cả nước và nhận xét. - Dựa vào bản đồ Hành chính Hải Dương, xác định các đơn vị hành chính cấp huyện/thị xã/thành phố (kết hợp cho học sinh tìm hiểu địa điểm của địa phương mình, trường mình nằm ở vị trí	1. Phạm vi lãnh thổ - Tỉnh Hải Dương có diện tích 1 658,89 km² (chiếm 0,5% diện tích cả nước). - Tiếp giáp: Phía bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía đông bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía đông giáp thành phố Hải Phòng, phía nam giáp tỉnh Thái Bình, phía tây giáp tỉnh Hưng Yên và phía tây bắc giáp tỉnh Bắc Ninh.

nào trên bản đồ). Xác định vị trí, vai trò của thành phố Hải Dương.

- Dựa vào thông tin kênh phụ tìm hiểu thêm về sự phân chia lãnh thổ tỉnh Hải Dương và sự thành lập thành phố, thị xã ở tỉnh Hải Dương.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Hiện nay, về mặt hành chính, tỉnh Hải Dương có 12 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 2 thành phố, 1 thị xã và 9 huyện. Thành phố Hải Dương là trung tâm kinh tế, kỹ thuật, giáo dục, khoa học, y tế, dịch vụ của tỉnh.

2.2. Tìm hiểu về vị trí địa lý tỉnh Hải Dương

a) Mục tiêu: Biết được giới hạn hành chính của tỉnh Hải Dương.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm; yêu cầu HS mang theo phiếu tài liệu cá nhân (đã giao chuẩn bị ở nhà) ngồi theo vị trí nhóm và thảo luận thống nhất nội dung, ghi vào phiếu học tập chung của cả nhóm. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận nhóm thống nhất kết quả, ghi vào phiếu nhóm (thời gian 5 phút) <u>Câu 1.</u> Quan sát hình 1 và đọc thông tin ở mục 2, em hãy xác định trên bản đồ các điểm cực Bắc, cực Nam, cực Đông, cực Tây của tỉnh Hải Dương. Nêu tác động của vị trí địa lý đối với tự nhiên và an ninh quốc phòng? Câu 2. Quan sát hình 1, 2 kết hợp bản đồ các vùng kinh tế; em hãy cho biết tỉnh Hải Dương nằm trong khu vực kinh tế nào, trên các tuyến đường giao thông huyết mạch nào? Từ đó rút ra đặc điểm vị trí và nêu ý nghĩa của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh? Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện nhóm trình bày sản phẩm, thời gian trình bày mỗi nhóm 3 phút. - Giáo viên đưa bảng kiểm đánh giá để các nhóm đánh giá nhóm bạn. - Học sinh đại diện thuyết trình (có thể 1 hoặc nhiều bạn trình bày) - Các nhóm khác theo dõi, đánh giá; chuẩn bị câu hỏi phỏng vấn	2. Vị trí địa lý - Đặc điểm: + Nằm trong khu vực nội chí tuyến + Trung tâm của Đồng bằng sông Hồng, thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. + Nằm trên các tuyến đường giao thông huyết mạch. - Tác động: + Đối với tự nhiên: khí hậu nhiệt đới gió mùa, cây cối xanh tốt, sông ngòi dày đặc, chế độ nước theo mùa ... + Đối với KT XH: Có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, thu hút vốn đầu tư ...; Thuận lợi trong giao lưu trao đổi hàng hóa dịch vụ ... + Đối với an ninh quốc phòng: có vị trí chiến lược, cửa ngõ phía Đông của Thủ đô Hà Nội (Thành Đông) + Khó khăn: thiên tai, vấn đề giao thông, phức tạp về xã hội (lao động, việc làm, dịch bệnh)

- HS phản biện, bảo vệ phần báo cáo nhóm mình.
 - HS các nhóm công bố kết quả tự đánh giá
- Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**
Giáo viên chốt kiến thức, bổ sung, mở rộng ...

*** Công cụ đánh giá:**

Bảng tiêu chí đánh giá trình bày vị trí địa lí và ý nghĩa đối với tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1. Quản lí thời gian (1 điểm)	Đảm bảo đúng thời gian quy định (1 điểm)	Thời gian trình bày quá 1-2 phút (0,5 điểm)	Thời gian trình bày quá trên 2 phút (0 điểm)
2. Nội dung (3 điểm)	Đúng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu (3 điểm)	Đúng nhưng còn thiếu 1-2 nội dung theo yêu cầu (2 điểm)	Còn một số nội dung chưa chính xác, thiếu ý (1 điểm)
3. Cách trình bày (4 điểm)	- Trình bày rõ ràng ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm (3 điểm)	- Trình bày rõ ràng, ngắn gọn nhưng chưa truyền cảm (2 điểm)	- Nói dài dòng, khó hiểu và không hấp dẫn. (1 điểm)
	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác hợp lí. (1 điểm)	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác chưa hợp lí. (0,5 điểm)	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác không hợp lí. (0 điểm)
4. Tương tác với người nghe (2 điểm)	- Tương tác phù hợp với người nghe (1 điểm)	- Ít tương tác (0,5 điểm)	- Không tương tác (0 điểm)
	Phản biện tốt (1 điểm)	Phản biện được một số ý, chưa đầy đủ (0,5 điểm)	Phản biện không hợp lí hoặc không phản biện được (0 điểm)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM:

Nhóm Đánh giá các nhóm

Điểm Tiêu chí	Nhóm		Nhóm		Nhóm	
	Điểm	Lí do	Điểm	Lí do	Điểm	Lí do
1. Quản lí thời gian (1 điểm)						
2. Nội dung (3 điểm)						

3.Cách trình bày (4 điểm)						
4. Tương tác với người nghe (2 điểm)						
Tổng điểm						

*** Yêu cầu cần đạt về nội dung**

Câu 1: Quan sát hình 1 và đọc thông tin ở mục 2, em hãy xác định trên bản đồ các điểm cực Bắc, cực Nam, cực Đông, cực Tây của tỉnh Hải Dương. Từ đó rút ra đặc điểm và nêu tác động của vị trí địa lí đối với tự nhiên và an ninh quốc phòng?

Yêu cầu cần đạt:

- Điểm cực:

Điểm cực	Tọa độ	Địa danh
Bắc	Vĩ độ $21^{\circ}14'N$	Xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh
Nam	Vĩ độ $20^{\circ}43'N$	Xã Tiền Phong, huyện Thanh Miện
Đông	Kinh độ $106^{\circ}38'E$	Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn
Tây	Kinh độ $106^{\circ}03'E$	Xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng

=> Đặc điểm: Nằm trong khu vực nội chí tuyến, trung tâm của Đồng bằng sông Hồng, trong quy hoạch 2007 thuộc "Vùng thủ đô Hà Nội"

=> Tác động:

- Đối với tự nhiên: Hải Dương nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, cây cối xanh tốt, sông ngòi dày đặc, chế độ nước theo mùa ...

- Đối với an ninh quốc phòng: có vị trí chiến lược, là thành trì cửa ngõ phía Đông của Thủ đô Hà Nội (Thành Đông)

Câu 2: Quan sát hình 1, 2 kết hợp bản đồ các vùng kinh tế; em hãy cho biết tỉnh Hải Dương nằm trong khu vực kinh tế nào, trên các tuyến đường giao thông huyết mạch nào? Từ đó rút ra đặc điểm vị trí và nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Yêu cầu cần đạt:

- Đặc điểm: Hải Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; trên các tuyến đường quốc lộ 5, 18, cao tốc HN – HP, đường sắt HN – HP ...

=> Đặc điểm: Hải Dương nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tam giác kinh tế HN- HP- QN và trên các tuyến đường huyết mạch.

=> Ý nghĩa đối với KT XH:

- Có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, thu hút vốn đầu tư ...

- Thuận lợi trong giao lưu trao đổi hàng hóa dịch vụ ...

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố/ khắc sâu những kiến thức đã học trong bài

b) Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1 (SGK/4): Trình bày đặc điểm vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ tỉnh Hải Dương.

Đặng Thùy Trang

31 Trường THCS Lê Lợi

Bước 1: Giao nhiệm vụ (bài tập 1)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát lược đồ trong SGK và tập xác định
- HS lên xác định vị trí địa lí của Hải Dương.

Bước 3: Gọi HS khác nhận xét, số sung (nếu có)

Bước 4: Giáo viên chuẩn xác kiến thức, kĩ năng

Bài tập 2 (SGK/4): Nêu những thuận lợi và khó khăn của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bước 1: Giao nhiệm vụ (bài tập 2)

Bước 2: HS quan sát lược đồ, tranh ảnh trong SGK, xem lại thông tin và nội dung bài để trả lời

Bước 3: Gọi HS khác nhận xét, số sung (nếu có)

Bước 4: Giáo viên chuẩn xác kiến thức.

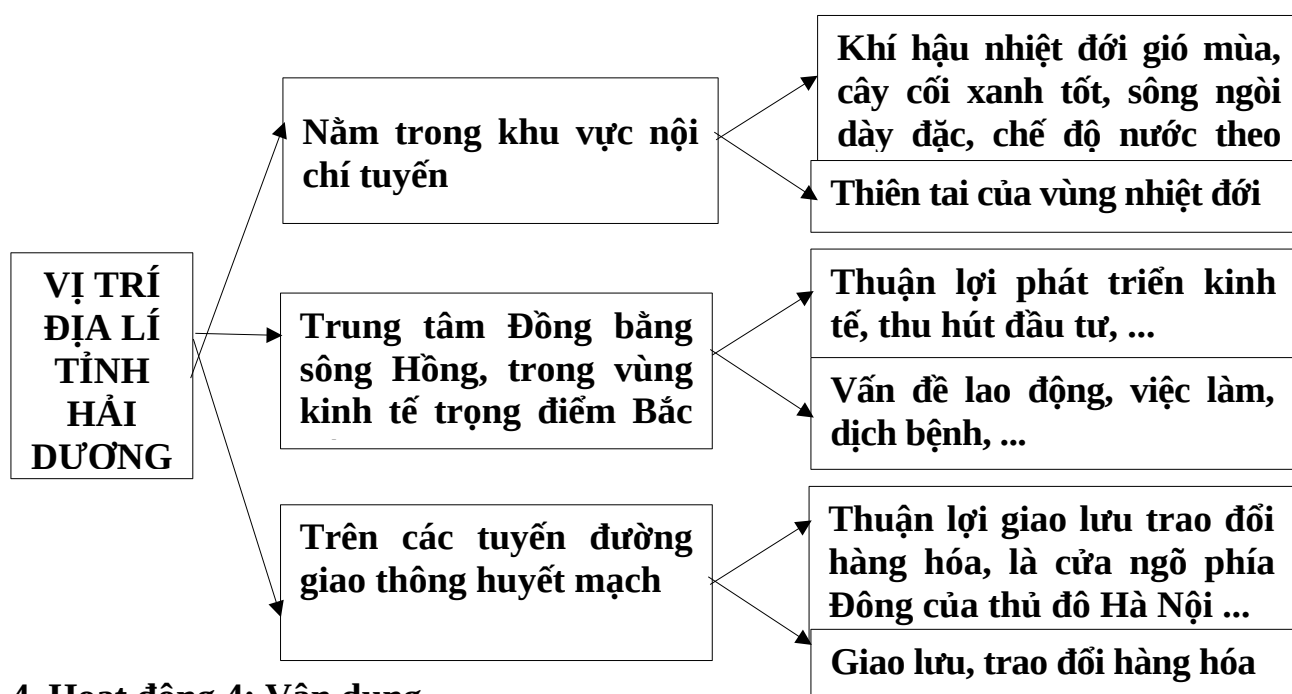
Bài tập bổ sung: Em hãy lựa chọn một bức ảnh tiêu biểu để nói về đặc điểm vị trí địa lí của tỉnh Hải Dương (kèm 5 ảnh: Cây cối xanh tốt, Bản đồ vùng Đồng bằng sông Hồng, Quốc lộ 5; Cổng Thành Đông, Phòng chống Covid)

Bước 1: Giao nhiệm vụ (bài tập bổ sung)

Bước 2: Một số HS lựa chọn và nêu lí do

Bước 3: Giáo viên nhận xét, nêu lựa chọn của mình.

Bước 4: Dùng sơ đồ tư duy tổng kết bài



4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Sưu tầm tư liệu, thông tin và vận dụng được kiến thức đã học để chứng minh: Vị trí địa lí gây khó khăn cho Hải Dương trong công tác phòng, chống dịch bệnh (trong đó có dịch Covid-19) và phát triển kinh tế – xã hội

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giáo viên đưa thông tin:

Đọc thông tin sau (facebook của một người dân ở Hải Dương tháng 2/2021)

Trong tình hình dịch Covid- 19 hiện nay, chúng ta cùng xem qua bảng so sánh giữa Hải Dương với Đà Nẵng hay Quảng Ninh:

1. Cửa ngõ + Địa lý.

- + Đà Nẵng + Quảng Ninh : 1 mặt giáp biển và 2 cửa ngõ. 4 phía giáp 2 tỉnh.
- + Hải Dương : 18 cửa ngõ, 4 phía giáp 6 tỉnh.

2. Khu công nghiệp.

- + Đà Nẵng 5 + Quảng Ninh. 6.
- + Hải Dương 17 khu.

3. Thời gian dịch bệnh.

- + Đà Nẵng : Tháng 7-8
- + Hải Dương : Tết Nguyên Đán.

4. Chứng Covid:

- + Đà Nẵng chủng cũ.
- + Hải Dương chủng mới mạnh và lây lan nhanh hơn 70%.

5. Đường giao thông.

- + Đà Nẵng 1 quốc lộ lưu lượng xe = 1/10 Hải Dương. + Quảng Ninh: Nội Tỉnh.
- + Hải Dương 6 Quốc Lộ, 18 Tỉnh lộ. Trung tâm vận chuyển của cả miền bắc và cảng nội địa phục vụ cho tất cả các khu công nghiệp miền bắc.

Thử hỏi Hải Dương phong tỏa không cho giao thông đi lại thì sẽ như thế nào nhỉ?

6. Ổ dịch

- + Đà Nẵng : 1 ổ dịch Bệnh viện là chính.
- + Quảng Ninh : 2 Ổ dịch
- + Hải Dương : 5 ổ dịch là Khu công nghiệp.

7. Số lượng F1 và ca nhiễm.

- + Đà Nẵng 2478/ nhiễm 365 (= 14,7%)
- + Hải Dương 14.000/ Nhiễm 536 (= 3,8%)

Em hãy nêu suy nghĩ của mình về vấn đề nêu trên?

Bước 2: GV gọi một số HS nêu suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Liên hệ:

- GV giáo dục HS lòng yêu quý, tự hào về quê hương (3 lần chiến thắng Covid 19)
- Ý thức bảo vệ quê hương Hải Dương khi có các thông tin và ý kiến trái chiều về quê hương mình.
- Liên hệ các việc làm của bản thân và gia đình trong đợt Co-vid vừa qua: thực hiện nghiêm túc phòng dịch, các chỉ thị; giải cứu nông sản, ủng hộ cho các chốt kiểm soát ...

Bước 4: Giao chuẩn bị tiết sau phần tiếp theo: Đặc điểm tự nhiên Hải Dương

Kí duyệt ngày ... tháng ... năm
Tổ trưởng (tổ phó)

Chủ đề 3. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN (Tiếp theo) ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN HẢI DƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm cơ bản của tự nhiên tỉnh Hải Dương.
- Biết được ý nghĩa của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa lí**

- Biết được các phương pháp thu thập và xử lí tài liệu, phân tích thông tin, đo vẽ sơ đồ, viết báo cáo và trình bày một vấn đề cụ thể về địa lí địa phương.
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Xác định được trên bản đồ Tự nhiên tỉnh Hải Dương sự phân bố các tài nguyên thiên nhiên.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Biết phân tích thông tin, các biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh để rút ra được những nhận xét về đặc điểm tự nhiên tỉnh Hải Dương.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm: Có ý thức về khai thác hợp lí các ĐKTN, TNTN và các biện pháp bảo vệ; Ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ quê hương.
- Yêu nước: củng cố lòng yêu quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, tài liệu cho học sinh; Bản đồ Tự nhiên tỉnh Hải Dương; Tranh ảnh, thông tin có liên quan đến nội dung.

2. Học sinh: Tài liệu GDĐP lớp 6; Sưu tầm trước ở nhà tranh ảnh, thông tin về tự nhiên tỉnh Hải Dương.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 13: ĐỊA HÌNH VÀ CẢNH QUAN

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số:

- Vào bài:

+ GV nêu câu hỏi tình huống :

Bạn An được bố mẹ cho đi tham quan Côn Sơn – Kiếp Bạc.

Bạn nói rằng: “Hải Dương là vùng đồi núi đẹp, có rừng thông reo vi vu như Đà Lạt”.

Bạn Bình được bố mẹ cho đi tham quan Văn Miếu Mao Điền lại cho rằng: “Hải Dương là vùng đồng bằng rộng lớn, trồng nhiều lúa, hoa màu và cây ăn quả”.

Theo em, bạn A hay bạn B nói đúng?

+ HS trả lời theo ý hiểu

+ GV giới thiệu vào bài

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

* Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đặc điểm chung về địa hình, cảnh quan

a) Mục tiêu: HS biết, hiểu được đặc điểm chung của địa hình và cảnh quan tỉnh HD

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ Làm việc cá nhân hoặc theo cặp, học sinh đọc thông tin mục 1 và quan sát hình 3 (trang 28), hãy: - Hải Dương có mấy dạng địa hình chính, kể tên các dạng địa hình chính của Hải Dương? Tỷ lệ diện tích vùng đồi núi thấp so với vùng đồng bằng ? - Xác định trên bản đồ các khu vực địa hình chính của tỉnh Hải Dương. Địa hình của tỉnh Hải Dương có những thuận lợi gì trong phát triển nông nghiệp ? - Theo em địa hình và cảnh quan tỉnh Hải Dương chịu tác động của các nhân tố nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: Vị trí địa lí quy định thiên nhiên Hải Dương mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hoá theo không gian và thời gian. Địa hình và cảnh quan Hải Dương khá đa dạng, bề mặt nghiêng từ phía bắc xuống phía nam và có sự tương phản rõ rệt giữa vùng đồi núi phía bắc (thuộc thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn) với vùng đồng bằng còn lại Hải Dương có diện tích đồng bằng chiếm khoảng 84% diện tích tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp; đất đai màu mỡ thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm. Vùng đồi núi thấp chiếm khoảng 16% diện tích, phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày. Hải Dương là tỉnh chuyển tiếp giữa đồng bằng với trung du và miền núi nên địa hình và cảnh quan khá đa dạng. Tính đa dạng này được biểu hiện ở sự tương phản rõ rệt giữa địa hình, cảnh quan đồi rừng (Chí Linh, Kinh	1. Đặc điểm chung - Hải Dương là tỉnh chuyển tiếp giữa đồng bằng với trung du và miền núi nên địa hình và cảnh quan khá đa dạng, bề mặt nghiêng từ phía bắc xuống phía nam và có sự tương phản rõ rệt giữa vùng đồi núi phía bắc (thuộc thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn) với vùng đồng bằng còn lại. - Cảnh quan đồi rừng (Chí Linh, Kinh Môn chiếm khoảng 15,9%) và cảnh quan đồng bằng (các huyện còn lại chiếm khoảng 84,1%). - Địa hình và cảnh quan tỉnh Hải Dương chịu tác động của các nhân tố nội sinh và ngoại sinh, đặc biệt là tác động của con người.

Môn chiếm khoảng 15,9%) và cảnh quan đồng bằng (các huyện còn lại chiếm khoảng 84,1%).

Sự đa dạng, tính chất tương phản của địa hình, cảnh quan được thể rõ ở các nhân tố hình thành, hướng phát triển địa hình và cảnh quan, độ cao và sự phân bậc địa hình.

Đánh giá thuận lợi và khó khăn về địa hình và cảnh quan

- Địa hình đồng bằng: là dạng địa hình phổ biến ở tỉnh Hải Dương, độ cao trung bình 1- 5m so với mực nước biển. Đồng bằng là nơi phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, và cư trú của người dân. Tuy nhiên, mùa mưa hay bị ngập úng, mùa khô một số khu vực bị nhiễm mặn.

- Địa hình đồi núi: cảnh quan đẹp, nhiều khoáng sản, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp và trồng rừng, chăn nuôi. Tuy nhiên, giao thông vùng đồi núi đi lại khó khăn.

*** Hoạt động 2.2: Tìm hiểu các dạng địa hình và cảnh quan chính của Hải Dương**

a) Mục tiêu: HS biết, hiểu được đặc điểm chung của địa hình và cảnh quan tỉnh HD

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ:GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm; yêu cầu HS mang theo phiếu tài liệu cá nhân (đã giao chuẩn bị ở nhà) ngồi theo vị trí nhóm và thảo luận thống nhất nội dung, ghi vào phiếu học tập chung của cả nhóm. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận nhóm thống nhất kết quả, ghi vào phiếu nhóm (thời gian 5 phút) Câu 1. Quan sát hình 3,4,5 và đọc thông tin ở mục 2.1, em hãy xác định trên bản đồ khu vực địa hình đồi núi của tỉnh Hải Dương.Cho biết khu vực địa hình đồi núi có đặc điểm và ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh? Câu 2. Quan sát hình 3,6,7 và đọc thông tin ở mục 2.2, em hãy xác định trên bản đồ khu vực địa hình đồi đồngbằng của tỉnh Hải Dương.Cho biết khu vực địa hình đồng bằng có đặc điểm và ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh? Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận	2.Các dạng địa hình và cảnh quan chính của Hải Dương * Địa hình và cảnh quan đồi núi Chí Linh và Kinh Môn - Khu vực địa hình cao nhất thuộc thành phố Chí Linh. Tiếp đến là các dải núi tách biệt, được ngăn cách bởi các cánh đồng giữa núi hoặc nằm xen với các núi đá vôi và vùng đồi núi có độ cao dưới 100m nằm tiếp giáp với vùng đồng bằng phía nam. - Địa hình caxtơ ở thị xã Kinh Môn được thành tạo từ đá vôi với nhiều hang động kì thú.

Đại diện nhóm trình bày sản phẩm, thời gian trình bày mỗi nhóm 3 phút. - Giáo viên đưa bảng kiểm đánh giá để các nhóm đánh giá nhóm bạn. - Học sinh đại diện thuyết trình (có thể 1 hoặc nhiều bạn trình bày) - Các nhóm khác theo dõi, đánh giá; chuẩn bị câu hỏi phỏng vấn - HS phản biện, bảo vệ phần báo cáo nhóm mình. - HS các nhóm công bố kết quả tự đánh giá Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo viên chốt kiến thức, bổ sung, mở rộng ... - Khu vực địa hình cao nhất thuộc thành phố Chí Linh như đỉnh núi cao như Dây Dìu (616 m), Đèo Tào (578 m), Đèo Trê (536 m),... Đây cũng chính là ranh giới giữa tỉnh Hải Dương với tỉnh Bắc Giang và tỉnh Quảng Ninh. Tiếp đến là các dải núi tách biệt, được ngăn cách bởi các cánh đồng giữa núi hoặc nằm xen với các núi đá vôi và vùng đồi núi có độ cao dưới 100m nằm tiếp giáp với vùng đồng bằng phía nam. Địa hình caxtơ ở thị xã Kinh Môn được thành tạo từ đá vôi với nhiều hang động kì thú. Địa hình và cảnh quan đồi núi thuận lợi cho phát triển rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả,... và thu hút các nhà đầu tư để phát triển kinh tế, văn hoá, du lịch.	- Địa hình và cảnh quan đồi núi thuận lợi cho phát triển rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả,... và thu hút các nhà đầu tư để phát triển kinh tế, văn hoá, du lịch. * Địa hình và cảnh quan đồng bằng - Chiếm phần lớn diện tích tỉnh Hải Dương, độ cao trung bình 1- 5m so với mực nước biển, phân bố ở phía nam thành phố Chí Linh, một phần thị xã Kinh Môn và các huyện còn lại. Địa hình tương đối bằng phẳng nhưng vẫn có sự chênh lệch về độ cao, thấp dần từ phía bắc – đông bắc xuống phía nam.
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức bài học

b. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ Quan sát Bản đồ tự nhiên tỉnh Hải Dương xác định dạng địa hình và cảnh quan của thị xã Kinh Môn, nêu ý nghĩa?
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: HS trình bày báo cáo kết quả.
- Bước 4: GV chuẩn kiến thức và nhấn mạnh nội dung kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế địa phương.

b. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ “Hãy mô tả đặc điểm địa hình và cảnh quan nơi em ở đặc điểm đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội?”
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: HS trình bày báo cáo kết quả. GV lắng nghe và gọi HS khác nhận xét. GV chuẩn kiến thức. HS lắng nghe và ghi nhớ.

- Bước 4: Giao chuẩn bị tiết sau phần tiếp theo:

TIẾT 14: KHÍ HẬU TỈNH HẢI DƯƠNG

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số:

- Vào bài:

+ GV chia lớp làm 3 đội (đội Năng hạ, đội Mây trắng và đội Mưa xuân). Các đội sẽ thi đua học tập. Khi các đội trả lời được một câu hỏi quan trọng, hoàn thành tốt một nhiệm vụ, chiến thắng một trò chơi,... sẽ nhận được một lá cờ. Cuối buổi GV tổng kết, đội nào có nhiều cờ nhất sẽ chiến thắng và nhận được một phần thưởng.

+ GV chiếu hình ảnh các đới khí hậu trên Trái đất có biểu tượng nước VN, nêu câu hỏi: Trên Trái đất có mấy đới khí hậu? Đó là các đới khí hậu nào? Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào? Đặc điểm của đới khí hậu đó?

+ HS xác định trên hình ảnh kết hợp trả lời theo ý hiểu

+ GV cho HS quan sát 1 số hình ảnh nông sản nhiệt đới rất phong phú và giới thiệu vào bài

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

* Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đặc điểm chung của khí hậu HD

a) Mục tiêu: Nêu được đặc điểm chung của khí hậu tỉnh Hải Dương và mối liên quan giữa khí hậu với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ Làm việc cá nhân hoặc theo cặp, học sinh đọc thông tin mục 1 trang 33 hãy: - Hải Dương nằm trong vùng khí hậu nào? vùng khí hậu đó mang đặc điểm gì ? Mùa đông và mùa hạ có đặc điểm thời tiết, khí hậu nổi bật như thế nào ? - Tính chất nhiệt đới ẩm, gió mùa của khí hậu tỉnh Hải Dương được quy định bởi những nhân tố nào ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chuyển giao nhiệm vụ mới	1. Đặc điểm chung - Hải Dương nằm trong vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ (đồng bằng Bắc Bộ), mang đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa. - Mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hè nóng, mưa nhiều và có sự phân hoá theo không gian. - Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu tỉnh Hải Dương được quy định bởi vị trí địa lí nằm trong vùng nội chí tuyến, khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.

* Hoạt động 2.2: Tìm hiểu tính chất nhiệt đới ẩm của khí hậu

a) Mục tiêu: Hiểu được tính chất nhiệt đới ẩm của khí hậu tỉnh Hải Dương và mối liên quan giữa khí hậu với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho từng đội; yêu cầu HS mang theo phiếu tài liệu cá nhân (đã giao chuẩn bị ở nhà) ngồi theo vị trí đội và thảo luận thống nhất nội dung, ghi vào phiếu học tập chung của cả nhóm. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận nhóm thống nhất kết quả, ghi vào phiếu nhóm (thời gian 5 phút) <u>Câu 1.</u> Quan sát hình 1(trang 33) và đọc thông tin ở mục 2, em hãy nhận xét về nhiệt độ, lượng mưa trung bình năm của Hải Dương ? <u>Câu 2.</u> Tính chất nhiệt đới ẩm có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta? <u>Câu 3.</u> Ở nơi em sống, thời tiết mùa hạ, mùa đông có đặc điểm gì? Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện nhóm trình bày sản phẩm, thời gian trình bày mỗi nhóm 3 phút. - Giáo viên đưa bảng kiểm đánh giá để các nhóm đánh giá nhóm bạn. - Học sinh đại diện thuyết trình (có thể 1 hoặc nhiều bạn trình bày) - Các nhóm khác theo dõi, đánh giá; chuẩn bị câu hỏi phỏng vấn - HS phản biện, bảo vệ phần báo cáo nhóm mình. - HS các nhóm công bố kết quả tự đánh giá Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo viên chốt kiến thức, bổ sung, mở rộng ...	2. Tính chất nhiệt đới ẩm của khí hậu tỉnh Hải Dương - Tính chất nhiệt đới. + Nhiệt độ không khí trung bình là 23,7°C, biên độ nhiệt lớn trung bình là 13°C. + Tổng số giờ nắng ở Hải Dương trong 1 năm trung bình từ 1600 – 1700 giờ. - Tính chất ẩm. + Lượng mưa trung bình năm ở Hải Dương là 1.300mm - 1.700mm + Độ ẩm tương đối trung bình năm là 80 - 90%. - Mùa đông có gió mùa Đông Bắc từ phía Bắc tràn xuống, không khí lạnh khô (tháng XI), và lạnh ẩm có mưa phùn (tháng XII, I, II). Mùa hè có gió Tây Nam và Đông Nam hoạt động mạnh, khí hậu nóng ẩm. - Điều kiện khí hậu cho phép Hải Dương phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới cây trồng sinh trưởng phát triển quanh năm, nắng nóng thuận lợi cho việc phơi sấy bảo quản nông sản, nhiều loại cây trồng vật nuôi. Tuy nhiên, nhiều thiên tai sâu bệnh, nấm mốc, lũ lụt... gây ảnh hưởng cho cây trồng vật nuôi và đời sống xã hội.

*** Hoạt động 2.3: Tìm hiểu sự phân hóa của khí hậu Hải Dương.**

a) Mục tiêu: Hiểu được tính chất nhiệt đới ẩm của khí hậu tỉnh Hải Dương và mối liên quan giữa khí hậu với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: GV hướng dẫn HS quan sát hình 8 (trang 34) và thông tin mục 3, em hãy cho biết: – Những tháng nào có nhiệt độ cao, tháng nào có nhiệt độ thấp?	3. Sự phân hóa của khí hậu Hải Dương. - Sự phân hóa theo thời gian (mùa) Ở Hải Dương, nhiệt độ và lượng

- Những tháng nào có lượng mưa lớn, tháng nào có lượng mưa ít?
- Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân mùa của khí hậu?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức.
- GV mở rộng về hiện tượng biến đổi khí hậu: biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả.
- HS liên hệ thực tế về giải pháp giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu qua trả lời câu hỏi: Hãy kể một số hành động mà bản thân và gia đình em có thể làm để góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu?



mưa giữa các tháng trong năm có sự chênh lệch khá lớn, chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hè nóng, mưa nhiều.

-> Nguyên nhân: Hải Dương nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á. Các khối khí hoạt động theo mùa có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phân mùa khí hậu của tỉnh.

- Sự phân hóa theo không gian (vùng): So với khu vực đồng bằng, vùng đồi núi phía bắc và đông bắc có nhiệt độ mùa đông, lượng mưa trung bình năm, độ ẩm tương đối thấp hơn.

-> Nguyên nhân: Sự phân hóa địa hình giữa đồng bằng và miền núi là nguyên nhân chính làm cho khí hậu tỉnh Hải Dương có sự phân hoá theo không gian.

*** Công cụ đánh giá:**

Bảng tiêu chí đánh giá trình bày Các khu vực địa hình có đặc điểm và ý nghĩa như thế nào đối với sự triển kinh tế xã hội tỉnh Hải Dương.

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1. Quản lí thời	Đảm bảo đúng	Thời gian trình bày	Thời gian trình bày

gian (1 điểm)	thời gian quy định (1 điểm)	quá 1-2 phút (0,5 điểm)	quá trên 2 phút (0 điểm)
2. Nội dung (3 điểm)	Đúng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu (3 điểm)	Đúng nhưng còn thiếu 1-2 nội dung theo yêu cầu (2 điểm)	Còn một số nội dung chưa chính xác, thiếu ý (1 điểm)
3. Cách trình bày (4 điểm)	- Trình bày rõ ràng ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm (3 điểm)	- Trình bày rõ ràng, ngắn gọn nhưng chưa truyền cảm (2 điểm)	- Nói dài dòng, khó hiểu và không hấp dẫn. (1 điểm)
	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác hợp lí. (1 điểm)	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác chưa hợp lí. (0,5 điểm)	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác không hợp lí. (0 điểm)
4. Tương tác với người nghe (2 điểm)	- Tương tác phù hợp với người nghe (1 điểm)	- Ít tương tác (0,5 điểm)	- Không tương tác (0 điểm)
	Phản biện tốt (1 điểm)	Phản biện được một số ý, chưa đầy đủ (0,5 điểm)	Phản biện không hợp lí hoặc không phản biện được (0 điểm)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM:

Nhóm Đánh giá các nhóm

Điểm Tiêu chí	Nhóm		Nhóm		Nhóm	
	Điểm	Lí do	Điểm	Lí do	Điểm	Lí do
1. Quản lí thời gian (1 điểm)						
2. Nội dung (3 điểm)						
3. Cách trình bày (4 điểm)						
4. Tương tác với người nghe (2 điểm)						
Tổng điểm						

*** Yêu cầu cần đạt về nội dung**

<u>Câu 1.</u> Cho bảng (bảng 1- trang 33) nhiệt độ và lượng mưa trung bình một số năm của tỉnh Hải Dương						
Năm	1995	2010	2015	2019	2020	

Nhiệt độ (°C)	21,1	23,4	24,8	25,3	24,5
Lượng mưa (mm)	1154	1591	2074	2256	2242

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương, 1995; 2020)

Dựa vào bảng trên hãy nhận xét về nhiệt độ, lượng mưa trung bình năm của Hải Dương ?

Yêu cầu cần đạt:

-Nhiệt độ không khí trung bình năm cao, khoảng 23 – 24°C, tổng nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 8500°C.

- Lượng mưa trung bình trong năm lớn (khoảng 1700mm), độ ẩm không khí khá cao, dao động từ 80 - 90%.

Câu 2. Tính chất nhiệt đới ẩm có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta?

- Thuận lợi : Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, cây trồng sinh trưởng phát triển quanh năm, nắng nóng thuận lợi cho việc phơi sấy bảo quản nông sản, nhiều loại cây trồng vật nuôi...

- Khó khăn: Nhiều thiên tai sâu bệnh, nấm mốc, lũ lụt... gây ảnh hưởng cho cây trồng vật nuôi và đời sống xã hội.

Câu 3. Ở nơi em sống, thời tiết mùa hạ, mùa đông có đặc điểm gì?

HS liên hệ được đặc điểm thời tiết, khí hậu trong hạ, mùa đông nơi mình đang sinh sống

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố/ khắc sâu những kiến thức đã học trong bài

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Mở hộp quà bí mật” với gói câu hỏi:

C1: Lượng mưa trung bình năm của tỉnh ta khoảng bao nhiêu mm?

C2: Hải Dương thuộc đới khí hậu nào?

C3: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu tỉnh Hải Dương được quy định bởi nhân tố nào?

C4: Tính chất nhiệt đới của khí hậu tỉnh Hải Dương thể hiện như thế nào ?

Bước 2: HS tham gia trò chơi.

Bước 3: HS đội khác trả lời và ghi điểm (nếu đội chơi trả lời sai)

Bước 4: Giáo viên chuẩn xác kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu : Hệ thống lại kiến thức về các dạng địa hình, khí hậu của tỉnh Hải Dương

b) Cách thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Địa phương em đang sinh sống có đặc điểm khí hậu như thế nào? Tính chất nhiệt đới ẩm có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Thuận lợi	Khó khăn
- Cây trồng sinh trưởng, phát triển quanh năm. - Năng nóng thuận lợi cho phơi sấy bảo quản nông sản. - Phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản.	- Nhiều thiên tai: sâu bệnh, nấm mốc, lũ lụt... - Ảnh hưởng đến cây trồng và đời sống người dân. - Gây ảnh hưởng đến giao thông.

- Giao chuẩn bị tiết sau phần tiếp theo: Đặc điểm đất đai và sông ngòi Hải Dương

TIẾT 15&16: ĐẤT ĐAI VÀ SÔNG NGÒI

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu:Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số:

GV chiếu hình ảnh, chia lớp thành 4 đội. Đội 1,3 quan sát ảnh 1; đội 2,4 quan sát ảnh 2, dựa vào vốn hiểu và quan sát ảnh :

- Đội 1,3 : Nêu các loại đất chính ở Hải Dương và sự phân bố của các loại đất đó ?

- Đội 2,4 : Kể các con sông chính ở Hải Dương ?

Trong thời gian 1 phút, các đội chuẩn, lễ thi theo cặp nhóm, nhóm nào hoàn thành tốt nhất yêu cầu thì sẽ thắng.

+ HS trả lời theo ý hiểu

+ GV đánh giá, mở rộng, giới thiệu vào bài



Hình 1



Hình 2

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

* Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đất đai Hải Dương

a) Mục tiêu: HS biết, hiểu được đặc điểm đất đai và ý nghĩa của nó đối với phát triển kinh tế. Có ý thức khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên đất.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ Làm việc cá nhân hoặc theo cặp, học sinh đọc thông tin mục 1 và quan sát hình 9(trang 36), em hãy cho biết : - Diện tích đất tự nhiên của Hải Dương và đánh giá tỉ lệ diện tích đất tự nhiên của Hải Dương so cả nước, đất được chia thành mấy nhóm chính? Tỉ lệ của các nhóm ? - Đất đồi núi có diện tích là bao nhiêu hecta ? Nêu thành phần, phân bố và đặc điểm của đất feralit? - Đất đồng bằng có diện tích là bao nhiêu hecta, do hệ thống sông nào bồi đắp? nhóm đất đồng bằng của tỉnh phân bố ở đâu, có những thuận lợi gì trong phát triển nông nghiệp ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: Đất của Hải Dương có hai nhóm chính, trong đó nhóm đất phù sa là chủ yếu. Đất feralit phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi thuộc thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn, thích hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày. Đất đồng bằng phân bố chủ yếu thành phố Hải Dương và các huyện còn lại như Thanh Hà, Kim Thành, Thanh Miện..., đất màu mỡ thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm.	1. Đất đai - Hải Dương có diện tích đất tự nhiên là 165 889 ha (chiếm 0,5% diện tích đất tự nhiên của cả nước), chia thành nhóm đất đồng bằng và nhóm đất đồi núi. - Diện tích đất đồi núi là 26 285 ha (chiếm 15,85 %), chủ yếu là đất feralit, phân bố ở thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn, thành phần cơ giới nhẹ và pha cát, khả năng giữ nước kém. - Diện tích đất đồng bằng là 139 604 ha (chiếm 84,15 %), chủ yếu là đất phù sa sông Thái Bình và một phần đất phù sa sông Hồng, đất đồng bằng phân bố chủ yếu thành phố Hải Dương và các huyện còn lại. Đất đai màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

Tuy nhiên đất đai của vùng đồng bằng sông Hồng nói chung và Hải Dương nói riêng đã được khai thác từ lâu đời, chủ yếu là đất cù trong đê nên cần phải canh tác hợp lý và cải tạo đất.

*** Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về sông ngòi tỉnh Hải Dương**

a) Mục tiêu: HS biết, hiểu được đặc điểm sông ngòi và ý nghĩa của sông ngòi đối với phát triển kinh tế, xã hội. Có ý thức khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ:GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm; yêu cầu HS mang theo phiếu tài liệu cá nhân (đã giao chuẩn bị ở nhà) ngòi theo vị trí nhóm và thảo luận thống nhất nội dung, ghi vào phiếu học tập chung của cả nhóm. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận nhóm thống nhất kết quả, ghi vào phiếu nhóm (thời gian 5 phút) <u>Câu 1.</u> Đọc thông tin ở mục 2 em hãy xác định trên bản đồ tự nhiên tỉnh Hải Dương sông lớn nhất chảy qua địa phận tỉnh Hải Dương. Cho biết đặc điểm về hướng chảy chính, lưu lượng nước, hàm lượng phù sa, chế độ dòng chảy của sông ngòi hải Dương? <u>Câu 2.</u> Sông ngòi Hải Dương có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh?Liên hệ với sông ngòi địa phương em đang sinh sống. Nêu những biện pháp cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông quê em? Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện nhóm trình bày sản phẩm, thời gian trình bày mỗi nhóm 3 phút. - Giáo viên đưa bảng kiểm đánh giá để các nhóm đánh giá nhóm bạn. - Học sinh đại diện thuyết trình (có thể 1 hoặc nhiều bạn trình bày) - Các nhóm khác theo dõi, đánh giá; chuẩn bị câu hỏi phỏng vấn - HS phản biện, bảo vệ phần báo cáo nhóm mình. - HS các nhóm công bố kết quả tự đánh giá Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo viên chốt kiến thức, bổ sung, mở rộng ... - Sông Thái Bình được bắt đầu từ Ngã ba Lác, gần	2.Sông ngòi - Hải Dương có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, chảy theo hướng chính là tây bắc - đông nam. Sông Thái Bình là sông lớn nhất chảy qua địa phận tỉnh với chiều dài 64 km. - Mạng lưới sông ngòi Hải Dương bao gồm hệ thống các sông tự nhiên(sông Thái Bình, sông Kinh Thầy,...) và hệ thống các sông, kênh mương nội đồng do con người đào đắp, điều tiết dòng chảy, phục vụ yêu cầu sản xuất. - Sông ngòi Hải Dương có lưu lượng lớn, nhiều phù sa. Chế độ dòng chảy thay đổi theo mùa (có mùa lũ và mùa cạn), phụ thuộc vào chế độ mưa trên lưu vực sông và sự điều tiết của các hồ chứa thượng nguồn. → Ý nghĩa: + Sông ngòi Hải Dương có giá trị nhiều mặt như thủy lợi,thủy sản,GTVT,khai thác khoáng sản (cát)... + Mạng lưới sông hồ góp phần điều hoà nền nhiệt, tăng độ ẩm không khí, làm cho khí hậu Hải Dương thích hợp trồng lúa, cây thực phẩm, cây ăn quả.

cầu Phả Lại, chảy qua đất Hải Dương và đổ ra Biển Đông tại cửa Thái Bình. - Sông Kinh Thầy dài 44,5 km. Điểm đầu từ ngã ba Nấu Khê phường Cổ Thành thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Điểm cuối là ngã ba Tri Sơn nơi giáp ranh giữa phường Phú Thù và phường An Lưu (thị xã Kinh Môn). Tại ngã ba Tri Sơn nó chia thành hai sông nhỏ chiều dài khoảng 9 km mỗi sông, một nhánh đổ lại vào sông Mạo Khê một lần nữa, và nhánh chảy vào sông Kinh Môn tại ngã ba Nồng, tạo thành sông Cấm. - Mạng lưới sông ngòi Hải Dương bao gồm hệ thống các sông tự nhiên (sông Thái Bình, sông Kinh Thầy, ...) và hệ thống các sông, kênh mương nội đồng do con người đào đắp, điều tiết dòng chảy, phục vụ yêu cầu sản xuất. - Hải Dương là tỉnh có mạng lưới sông dày đặc, mùa hạ lượng nước sông dâng cao, mùa hạ cũng là mùa nóng, hs được nghỉ hè... vì thế bản thân mỗi em hs cần phải trang bị cho mình kĩ năng để phòng tránh đuối nước...	- Nguồn nước sông đang bị ô nhiễm, nhất là sông ở các thành phố, các khu công nghiệp, các khu tập trung dân cư... Vì vậy chúng ta cần phải bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông.
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức bài học

b. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ

C1. Xác định Kinh Môn có những loại đất nào? Nêu thuận lợi và khó khăn của những loại đất đó trong việc phát triển kinh tế- xã hội.

C2. Kể tên một số dòng sông chảy qua nơi em đang sống và giá trị của nó?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: HS trình bày báo cáo kết quả.

- Bước 4: GV chuẩn kiến thức và nhấn mạnh nội dung kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế địa phương.

b. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ

+ Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về đất đai, sông ngòi ở huyện / thành phố/ thị xã em sống.

+ Sưu tầm tư liệu, thông tin để chứng minh: thị xã Kinh Môn có sự tương phản rõ rệt giữa đất đai đồng bằng với vùng đồi núi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: HS trình bày báo cáo kết quả. GV lắng nghe và gọi HS khác nhận xét. GV chuẩn kiến thức. HS lắng nghe và ghi nhớ.

- Bước 4: Giao chuẩn bị tiết sau phần tiếp theo: Sinh vật tỉnh Hải Dương

TIẾT 17: SINH VẬT TỈNH HẢI DƯƠNG

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

- Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số:

- Vào bài:

+ GV nêu câu hỏi:

Có phải điều kiện và môi trường sống đã tạo cho Hải Dương nguồn sinh vật phong, đa dạng về thành phần loài và hệ sinh thái, có những loài quý hiếm cần được bảo vệ?

+ HS trả lời theo ý hiểu

+ GV giới thiệu vào bài

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

* **Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đặc điểm chung của sinh vật tỉnh Hải Dương**

a) **Mục tiêu:** HS biết, hiểu được đặc điểm chung của sinh vật tỉnh HD

b) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ Làm việc cá nhân hoặc theo cặp, học sinh đọc thông tin mục 1 và quan sát bảng 2 (trang 39), hình 13,14 (trang 40,41) em hãy cho biết: - Nguồn sinh vật Hải Dương có đặc điểm gì? Tại sao nguồn sinh vật Hải dương lại có những đặc điểm như vậy ? - Hải Dương có những hệ sinh thái nào? Nơi em đang sinh sống, sinh vật thuộc hệ sinh thái nào ? - Sinh vật có những giá trị như thế nào ? (kinh tế, môi trường, văn hóa - xã hội) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chuyển giao nhiệm vụ mới	1. Đặc điểm chung - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hoá đa dạng tạo cho Hải Dương nguồn tài nguyên sinh vật phong phú. Chiếm ưu thế là các loài nhiệt đới, ngoài ra còn có các loài ôn đới. - Hải Dương có hệ sinh thái đồi núi và hệ sinh thái đồng bằng, mỗi hệ sinh thái mang những nét đặc trưng riêng. - Sinh vật Hải Dương có giá trị về nhiều mặt như kinh tế, môi trường, văn hóa - xã hội, tham quan du lịch.

* **Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về các hệ sinh thái của tỉnh Hải Dương**

a) **Mục tiêu:** HS biết, hiểu được đặc điểm cơ bản về các hệ sinh thái tỉnh Hải Dương.

- Có ý thức khai thác hợp lí các hệ sinh thái và các biện pháp bảo vệ.

- Cùng cố lòng yêu quê hương, sẵn sàng xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước..

b) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ HS làm việc theo cặp đôi, đọc thông tin mục 2.1 và quan sát hình 13 (trang 40) em hãy cho biết: - Hệ sinh thái đồi núi Chí Linh khác hệ sinh thái đồi núi Kinh Môn như thế nào ? - Kể tên một số cây trồng và một số vật nuôi chủ yếu ở Hải Dương ? - Nhận thức tầm quan trọng về văn hoá và kinh tế của tài nguyên sinh vật trong đó có tính đa dạng sinh học, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã đề ra các biện pháp để bảo vệ môi trường bảo vệ tài nguyên sinh vật như thế nào ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ GV theo dõi, hỗ trợ, khơi gợi cho HS (nếu HS gặp khó khăn) Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo viên chốt kiến thức, bổ sung, mở rộng ... - Yếu tố vị trí địa lí, đặc điểm địa hình và khí hậu đã tạo ra tính đa dạng sinh học của tỉnh Hải Dương. - Tính đa dạng về sinh học được thể hiện: + Thực vật và động vật thuộc hệ sinh thái đồi núi ở thị xã Chí Linh, huyện Kinh Môn rất đa dạng với các cây lấy gỗ, cây làm thuốc... Các loài thú như sói đỏ, mèo, khỉ, vượn, cu li, tê tê, chuột, nhím, chồn, cầy, lợn rừng, sóc bay, dúi..., chim sếu, gà nước, vẹt, cú mèo, quạ... số lượng còn rất ít; bò sát và lưỡng cư (họ tắc kè, kỳ đà, trăn, rắn, nhông, rùa....). + Thực vật và động vật hệ sinh thái đồng bằng rất đa dạng có nhiều tôm cá và các nguồn thủy sản khác như hến, trai, ốc, chạch,... Gần đây, còn phát hiện ở thôn Cậy (xã Long Xuyên, huyện Bình Giang) 2 loài trai cánh quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam, có thể nuôi lấy ngọc. Các huyện đồng bằng trồng nhiều lúa gạo, rau màu và cây ăn quả. Vùng đất Thanh Hà còn có cây vải thiều, là đặc sản nổi tiếng trong và ngoài nước. - Tính đa dạng sinh học chịu tác động trực tiếp của con người. Nếu tác động tiêu cực, chúng sẽ mất dần và có thể biến mất vĩnh viễn. Nếu biết gìn giữ và bảo	2. Các hệ sinh thái 2.1. Hệ sinh thái đồi núi - Hải Dương hiện có 10 861 ha rừng, tập trung ở thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn. + Thành phố Chí Linh có hệ sinh thái núi đất, có rừng cây cổ thụ, rừng cây lá kim. + Thị xã Kinh Môn có hệ sinh thái núi đá vôi. - Hệ động vật hoang dã mang tính đặc trưng của khu hệ vùng đồng bằng sông Hồng. - Thực vật phong phú và đa dạng là nguồn gen tự nhiên, nguồn tài nguyên quan trọng cho sự phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. 2.2. Hệ sinh thái đồng bằng - Đây là hệ sinh thái chủ yếu, trong đó, phát triển mạnh một số loài động, thực vật có giá trị kinh tế. Tuy nhiên, một số loài sinh vật bản địa lại có xu hướng giảm đi. Đây là điều cần phải quan tâm. - Thực vật trồng có các nhóm cây lương thực, rau, đậu, cây công nghiệp, rau gia vị và cây có tác dụng làm thuốc, cây ăn quả và dùng lá để uống, các loài tre, trúc, hoa, cây cảnh. - Động vật nuôi chủ yếu là các loài gia súc, gia cầm, thủy sản, côn trùng có ích. Sinh vật có tầm quan trọng về văn hoá và kinh tế của tài nguyên sinh vật - Sinh vật Hải Dương có giá trị về nhiều mặt. Tuy nhiên, một

vệ, chúng sẽ tồn tại và phát triển.	số loài sinh vật bản địa lại có xu hướng giảm đi, vì vậy cần chú ý đến vấn đề bảo vệ tài nguyên sinh vật.
-------------------------------------	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức bài học

b. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho học sinh dựa vào bản đồ Kinh tế tỉnh Hải Dương và các nguồn tư liệu xác định thảm thực vật cây trồng và sự phân bố một số cây chủ yếu. Em cần làm gì để bảo vệ tài nguyên sinh vật quê em ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: HS trình bày báo cáo kết quả.

- Bước 4: GV chuẩn kiến thức và nhấn mạnh nội dung kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế địa phương.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao bài tập

Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về hệ sinh thái ở huyện/thành phố/thị xã em sống .

Bước 2: Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi

Bước 3: Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.

Bước 4: Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức, chuẩn bị tiết sau phần tiếp theo: khoáng sản tỉnh Hải Dương

TIẾT 18: KHOÁNG SẢN TỈNH HẢI DƯƠNG

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

- Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số:

- Vào bài:

+ GV tổ chức cho HS quan sát một số mẫu vật có ở trên đĩa bàn tỉnh Hải Dương như đá đá vôi(đá xanh), sét chịu lửa..., dẫn dắt và nêu câu hỏi:

.Hải Dương có nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú. Loại khoáng sản nào có giá trị, có trữ lượng lớn để phát triển công nghiệp? Khoáng sản đó phân bố ở đâu?

+ GV giới thiệu vào bài

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

*** Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đặc điểm chung khoáng sản tỉnh Hải Dương**

a) **Mục tiêu:** HS biết, hiểu được đặc điểm chung của khoáng sản tỉnh HD

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi mở, yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, học sinh đọc thông tin mục 1 và quan sát hình 3 (trang 28), bảng 3 (trang 42) em hãy cho biết ở Hải Dương:  Sét chịu lửa ở TP Chí Linh; Đá vôi, đá phiến silic ở TX Kinh Môn) - Nguồn khoáng sản Hải Dương có đặc điểm gì? - Hải Dương có bao nhiêu mỏ và điểm quặng ? Bao nhiêu nhóm khoáng sản ? Phân bố chủ yếu ở đâu ? - Kể tên và xác định trên bản đồ vị trí một số khoáng sản có trữ lượng lớn. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ, gv theo dõi hỗ trợ hs (nếu cần) Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận	1. Đặc điểm chung - Khoáng sản tỉnh Hải Dương tương đối đa dạng với 24 loại hình khoáng sản (91 mỏ và điểm khoáng sản), mang ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh. Trong đó khoáng sản chủ yếu, có trữ lượng tương đối lớn là sét gốm sứ và nguyên vật liệu xây dựng như đá vôi, cát sỏi... - Một số loại khoáng sản đã được khai thác với quy mô lớn như sét chịu lửa, đá vôi xi măng, sét xi măng, bauxite. Số còn lại cần tiếp tục nghiên cứu khai thác để đáp ứng yêu cầu phát triển một số ngành công nghiệp trong tỉnh. - Khoáng sản phân bố chủ yếu ở khu vực thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chuyển giao nhiệm vụ mới

*** Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về các hệ sinh thái của tỉnh Hải Dương**

a) Mục tiêu: HS biết, hiểu được đặc điểm cơ bản các nhóm khoáng sản tỉnh Hải Dương. Biết được ý nghĩa của khoáng sản đối với phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ:GV giao nhiệm vụ cho từng đội/nhóm; yêu cầu HS mang theo phiếu tài liệu cá nhân (đã giao chuẩn bị ở nhà) ngồi theo vị trí đội và thảo luận thống nhất nội dung, ghi vào phiếu học tập chung của cả nhóm. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận nhóm thống nhất kết quả, ghi vào phiếu nhóm (thời gian 5 phút) <u>Câu 1.</u> Quan sát hình 3(trang 28), bảng 4 (trang 43) và đọc thông tin mục 2.1, 2.2, em hãy cho biết ở Hải Dương có khoáng sản nhiên liệu, kim loại nào, phân bố ở đâu? <u>Câu 2.</u> Quan sát hình 3(trang 28), bảng 5 (trang 44)và đọc thông tin mục 2.3, em hãy cho biết : Ở Hải Dương, khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp nào, phân bố ở đâu?Ở nơi em sống, có loại khoáng sản nào thuộc nhóm khoáng sản nào? <u>Câu 3</u> Các mỏ nước nóng- khoáng của Hải Dương phân bố ở đâu? Sự đa dạng về tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh? Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện nhóm trình bày sản phẩm, thời gian trình bày mỗi nhóm 3 phút. - Giáo viên đưa bảng kiểm đánh giá để các nhóm đánh giá nhóm bạn. - Học sinh đại diện thuyết trình (có thể 1 hoặc nhiều bạn trình bày) - Các nhóm khác theo dõi, đánh giá; chuẩn bị câu hỏi phỏng vấn - HS phản biện, bảo vệ phần báo cáo nhóm	2. Các nhóm khoáng sản 2.1. Nhóm nhiên liệu Nhóm khoáng sản này chủ yếu là than đá, phân bố ở thành phố Chí Linh với quy mô nhỏ, nhiệt lượng thấp, chỉ có giá trị phục vụ công nghiệp địa phương. 2.2. Nhóm kim loại Khoáng sản này gồm 4 loại: sắt, đồng,bauxite,thuỷ phân bố ở thị xã Kinh Môn với quy mô nhỏ. 2.3. Nhóm phi loại và khoáng chất công nghiệp Khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp(than bùn, sét chịu lửa, cao lanh, quặng phosphorite, đất vôi xi măng, đá phiến silic, nguyên liệu phụ gia xi măng, cát..., phân bố ở thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn. 2.4. Nhóm nước nóng và khoáng Hiện nay đã phát hiện 5 mỏ nước nóng – khoáng là Thạch Khê, Tứ Minh, Bệnh viện đa khoa Hải Dương, Nghĩa Mỹ TP. Hải Dương và Đức Chính huyện Cẩm Giàng. Các mỏ nước nóng – khoáng này đều được phát hiện trong quá trình khoan thăm dò. -> Sự đa dạng về tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. tuy nhiên nguồn khoáng sản của tỉnh

mình. - HS các nhóm công bố kết quả tự đánh giá Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo viên chốt kiến thức, bổ sung, mở rộng ...Liên hệ tới vấn đề bảo vệ môi trường khi khai thác, sản xuất khoáng sản.	không phải là vô tận vì vậy phải có kế hoạch khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ môi trường.
---	--

*** Công cụ đánh giá:**

Bảng tiêu chí đánh giá trình bày Các khu vực địa hình có đặc điểm và ý nghĩa như thế nào đối với sự triển kinh tế xã hội tỉnh Hải Dương.

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1. Quản lí thời gian (1 điểm)	Đảm bảo đúng thời gian quy định (1 điểm)	Thời gian trình bày quá 1-2 phút (0,5 điểm)	Thời gian trình bày quá trên 2 phút (0 điểm)
2. Nội dung (3 điểm)	Đúng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu (3 điểm)	Đúng nhưng còn thiếu 1-2 nội dung theo yêu cầu (2 điểm)	Còn một số nội dung chưa chính xác, thiếu ý (1 điểm)
3. Cách trình bày (4 điểm)	- Trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm (3 điểm)	- Trình bày rõ ràng, ngắn gọn nhưng chưa truyền cảm (2 điểm)	- Nói dài dòng, khó hiểu và không hấp dẫn. (1 điểm)
	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác hợp lí. (1 điểm)	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác chưa hợp lí. (0,5 điểm)	- Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với động tác không hợp lí. (0 điểm)
4. Tương tác với người nghe (2 điểm)	- Tương tác phù hợp với người nghe (1 điểm)	- Ít tương tác (0,5 điểm)	- Không tương tác (0 điểm)
	Phản biện tốt (1 điểm)	Phản biện được một số ý, chưa đầy đủ (0,5 điểm)	Phản biện không hợp lí hoặc không phản biện được (0 điểm)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM:

Nhóm Đánh giá các nhóm

Điểm Tiêu chí	Nhóm		Nhóm		Nhóm	
	Điểm	Lí do	Điểm	Lí do	Điểm	Lí do
1. Quản lí thời gian (1 điểm)						
2. Nội dung (3 điểm)						
3. Cách trình bày (4 điểm)						
4. Tương tác với người						

nghe (2 điểm)					
Tổng điểm					

*** Yêu cầu cần đạt về nội dung**

Câu 1. Quan sát hình 3(trang 28), bảng 4 (trang 43) và đọc thông tin mục 2.1, 2.2, em hãy cho biết ở Hải Dương có khoáng sản nhiên liệu, kim loại nào, phân bố ở đâu?

- Nhóm khoáng sản nhiên liệu chủ yếu là than đá, phân bố ở thành phố Chí Linh với quy mô nhỏ, nhiệt lượng thấp, chỉ có giá trị phục vụ công nghiệp địa phương.
- Khoáng sản kim loại gồm 4 loại: sắt, đồng, bauxite, thủy phân bố ở thị xã Kinh Môn với quy mô nhỏ.

Câu 2. Quan sát hình 3(trang 28), bảng 5 (trang 44) và đọc thông tin mục 2.3, em hãy cho biết : Ở Hải Dương, khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp nào, phân bố ở đâu? Ở nơi em sống, có loại khoáng sản nào thuộc nhóm khoáng sản nào?

- Khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp(than bùn, sét chịu lửa, cao lanh, quặng phosphorite, đất vôi xi măng, đá phiến silic, nguyên liệu phụ gia xi măng, cát..., phân bố ở thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn.
- HS liên hệ

Câu 3 Các mỏ nước nóng- khoáng của Hải Dương phân bố ở đâu? Sự đa dạng về tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh?

- Hiện nay đã phát hiện 5 mỏ nước nóng- khoáng là Thạch Khôi, Tứ Minh, Bệnh viện đa khoa Hải Dương, Nghĩa Mỹ TP. Hải Dương và Đức Chính huyện Cẩm Giàng. Các mỏ nước nóng- khoáng này đều được phát hiện trong quá trình khoan thăm dò.
- Sự đa dạng về tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh:
 - + Nguồn nguyên liệu khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn là sét gốm sứ và nguyên vật liệu xây dựng như đá vôi, cát sỏi... là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp quan trọng của Hải Dương như ngành sản xuất xi măng(Hoàng Thạch, Phúc Sơn, Duyên Linh ..), vật liệu xây dựng, gốm sứ...
 - + Nước nóng- khoáng thiên nhiên có giá trị cao trong việc bảo vệ sức khỏe con người.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức bài học

b. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho học sinh trình bày đặc điểm khoáng sản tỉnh Hải Dương và sự phân bố một số khoáng sản chủ yếu.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: HS trình bày báo cáo kết quả.
- Bước 4: GV chuẩn kiến thức và nhấn mạnh nội dung kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế địa phương.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao bài tập

Sưu tầm tài liệu và giới thiệu về khoáng sản ở huyện/thành phố/thị xã em sống.

Bước 2: Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi

Bước 3: Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.

Bước 4: Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Tuần.....

Tiết 19-27

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

Chủ đề 4. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Về yêu cầu cần đạt:

- Sưu tầm và giới thiệu được: hiện trạng môi trường nước, đất, không khí ở địa phương; Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí; Hậu quả của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe người dân và sự phát triển kinh tế – xã hội.
- Biết được hiện trạng môi trường ở một số khu vực tỉnh Hải Dương đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.
- Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên ở địa phương.

3. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

* Năng lực Địa lí

- Biết được các phương pháp thu thập và xử lý tài liệu, phân tích thông tin, đo vẽ sơ đồ, viết báo cáo và trình bày một vấn đề cụ thể về địa lí địa phương.
- Biết các bước tổ chức, tìm hiểu, viết và trình bày một báo cáo khoa học.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Biết cách sưu tầm thông tin từ tài liệu, thực tế về môi trường ở địa phương và rút ra nhận xét.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên ở địa phương.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm: Có thái độ và ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường, tuyên

truyền, vận động được người thân, bạn bè thực hiện các việc làm để bảo vệ môi trường tự nhiên, xây dựng quê hương Hải Dương phát triển bền vững.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, tài liệu cho học sinh; Bản đồ Hành chính tỉnh Hải Dương, năm 2020; Tranh ảnh, tư liệu liên qua đến môi trường ở tỉnh Hải Dương; Tranh ảnh, tư liệu một số khu vực công nghiệp, khu khai thác đất, cát, đá vôi ở tỉnh Hải Dương gây ô nhiễm môi trường sinh thái.

2. Học sinh: Tài liệu GDĐP lớp 6; Sưu tầm trước ở nhà tranh ảnh, tư liệu, thông tin có liên quan môi trường ở tỉnh Hải Dương và tại địa phương (thị xã, xã/phường) nơi em sống.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 19,20

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số:

- Kiểm tra bài cũ:

- Vào bài: các em đã học và có hiểu biết về Trái Đất. Đố các em biết: Trái Đất là của ai? HS hát tập thể bài: “Trái Đất này là của chúng mình”. HS hát hết lời 1, cho dừng lại giữa chừng: Thôi, thôi! Trái Đất đúng là của các bạn!

Các em thân mến! Môi trường tự nhiên trên Trái Đất đã mang lại cho chúng ta những yếu tố cơ bản cần thiết nhất để duy trì và phát triển cuộc sống như: thức ăn, nước uống, không khí để thở, có không gian trong lành làm việc, học tập, vui chơi ... Thực tế hiện nay, trên quê hương Hải Dương, môi trường sống của chúng ta vẫn đang được đảm bảo, song ở nhiều nơi trong tỉnh đã có hiện tượng môi trường bị ô nhiễm, ảnh hưởng không nhỏ tới SX và đời sống nhân dân.

Vậy vấn đề ô nhiễm môi trường ở tỉnh ta đang xảy ra như thế nào? Ở đâu? Mức độ ra sao? Đó chính là nội dung chính của chủ đề ...GV giới thiệu chủ đề:

*** Nội dung chính:** 3 nội dung

- Hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Hải Dương.

- Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường ở Hải Dương.

- Hậu quả và các biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Hải Dương.

*** Phương pháp học tập chủ đạo:**

- + Tìm hiểu thông qua tài liệu GDĐP, các phương tiện thông tin đại chúng, điều tra thực trạng tại địa phương nơi sinh sống có ghi lại các minh chứng (ảnh, videoclip)
- + Thảo luận, tổng hợp viết thành báo cáo sau khi học xong nội dung chủ đề (mỗi học sinh phải viết thành bản báo cáo riêng)

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động cá nhân tìm hiểu về khái niệm ô nhiễm môi trường

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh Thế nào là ô nhiễm môi trường? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: HS báo cáo kết quả. Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức và chuyển ý	I. Khái niệm: Là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của các thành phần môi trường không phù hợp với tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên. (Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam - 2020) - Tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường: các chất thải ở dạng khí (khí thải), lỏng (nước thải), rắn (chất thải rắn) chứa hoá chất hoặc tác nhân vật lý, sinh học ...

2.2. Hoạt động nhóm tìm hiểu hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Hải Dương

Hoạt động của GV- HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị từ tiết học trước - Nhóm “ Nhiếp ảnh gia ”: Tìm hiểu ô nhiễm môi trường đất. - Nhóm “ Công nghệ thông tin ”: Tìm hiểu ô nhiễm môi trường nước. - Nhóm “ Nhà báo ”: Tìm hiểu ô nhiễm môi trường không khí. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức và mở rộng liên hệ: ? Qua tìm hiểu em thấy những nơi nào có dấu hiệu ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tại sao? ? Ở địa phương em sinh sống đất, nước và bầu khí quyển có những biểu hiện như trên không?	II. Hiện trạng ô nhiễm môi trường tỉnh HD 1. Ô nhiễm môi trường đất: - Biểu hiện: Tính chất, màu sắc thay đổi bất thường, cây cối kém phát triển, khô héo ... - Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, phát triển khu dân cư, dịch vụ, khai thác tài nguyên, rừng, khoáng sản,... đặc biệt việc lạm dụng quá mức phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp => ô nhiễm nguồn đất. 2. Ô nhiễm môi trường nước: - Biểu hiện: màu sắc thay đổi bất thường, bốc mùi hôi thối, nhiều bọt, sinh vật thủy sinh chết hàng loạt ... - Công nghiệp, sinh hoạt ... - Các khu CN, đô thị, khu vực tập kết rác thải ... => Nguồn nước (trên mặt, ngầm) nhiều nơi có dấu hiệu ô nhiễm ở các mức độ khác nhau. 3. Ô nhiễm môi trường không khí - Biểu hiện: nồng độ bụi vượt tiêu chuẩn cho

? Tìm hiểu kênh chữ sgk và sự hiểu biết em hãy cho biết ô nhiễm môi trường có ảnh hưởng như thế nào đối với con người và các loài sinh vật (lấy VD cụ thể)

phép, bám phủ trên lá cây, mái nhà, mặt đất, gây khó thở ...
- Khói bụi thải ra từ các nhà máy, hầm mỏ, phương tiện giao thông, đốt rác, rơm rạ ...
- Thị xã Kinh Môn là nơi nặng nề nhất.

(TIẾT 21,22,23,24 TRONG KHGD)

1. Hoạt động khởi động

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh.

- Quan sát 2 đoạn video sau:

<https://youtu.be/jbt65Q1Jsog>

<https://youtu.be/f4P9cS0TddI>

em hãy cho biết:

- Xã nào được nhắc đến trong các video?
- Video đã cho các em biết những thông tin gì liên quan đến môi trường?



Bãi rác gây ô nhiễm môi trường ở Thị xã Kinh Môn

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trả lời câu hỏi bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Đánh giá và chuyển ý

GV dựa vào các câu trả lời của học sinh để kết nối vào bài học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm tìm hiểu về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở HD

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm có số học sinh tùy thuộc vào số lượng học sinh của lớp.
- Phân nhiệm vụ cho các nhóm để hoàn thành nội dung phiếu học tập sau:

Nguyên nhân gây ô nhiễm	Chất thải sinh hoạt	Chất thải y tế	Chất thải công nghiệp	Chất thải từ các làng nghề	Chất thải trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
Hiện trạng					
Hậu quả					
Giải pháp					

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- Các nhóm trao đổi, thảo luận để hoàn thiện sản phẩm học tập.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Nhận xét đánh giá sản phẩm của các nhóm bạn dựa theo bảng tiêu chí sau.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NHÓM

HS đọc tiêu chí đánh giá sau và sử dụng **sticker** để đánh giá đồng đẳng.

T T	NỘI DUNG	TRUNG BÌNH 1	KHÁ TỐT 2	TỐT 3	XUẤT SẮC 4
1	Kiến thức	Kiến thức sơ sài, không đầy đủ	Kiến thức tương đối đầy đủ so với mục tiêu và tài liệu được cung cấp	Kiến thức đầy đủ, chính xác, đảm bảo mục tiêu	Kiến thức đầy đủ, chính xác, đảm bảo mục tiêu. Các kiến thức, ví dụ ngoài tài liệu phong phú, chuyên sâu
2	Thuyết trình	Thuyết trình không rõ ràng, người nghe khó tiếp nhận thông tin	Thuyết trình to, rõ, người nghe dễ nắm bắt được thông tin	Thuyết trình to, rõ ràng, dễ hiểu, cuốn hút người nghe	Thuyết trình to, rõ ràng, dễ hiểu, cuốn hút người nghe, quan tâm đến người nghe, có sự sáng tạo (tạo tình huống, đặt câu hỏi phản biện)

HS nhận xét về chất lượng bài làm của các nhóm:

1. Em ấn tượng với bài làm của nhóm nào nhất? Vì sao?
2. Em muốn góp ý cho nhóm nào? Nội dung góp ý cụ thể là gì?

Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Thông tin phản hồi phiếu học tập

Nguyên nhân gây ô nhiễm	Chất thải sinh hoạt Nhóm 1	Chất thải y tế Nhóm 2	Chất thải công nghiệp Nhóm 3	Chất thải từ các làng nghề Nhóm 4	Chất thải trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản Nhóm 5
Hiện trạng	Rác thải, nước thải sinh hoạt ngày càng nhiều.	Rác thải, nước thải y tế chứa các vi sinh vật phát tán	Rác thải, nước thải, khí thải CN ngày càng nhiều	Mỗi ngày các làng nghề thải ra khoảng 42 tấn chất thải. Nhận thức về bảo vệ môi trường của	- Lạm dụng hóa chất, thuốc trừ sâu: hằng năm, nông dân Hải Dương đã sử dụng 150 tấn thuốc bảo vệ thực vật

		vào môi trường không khí, đất, nước.		người dân tại các làng nghề còn hạn chế, giá thành đầu tư cho xử lý môi trường cao nên tình trạng ô nhiễm môi trường đang gia tăng và trở thành vấn đề bức xúc.	(thuốc trừ sâu, bệnh, cỏ, chuột, ốc,...). Lượng thuốc dư thừa và bao bì sau sử dụng bị người dân bỏ lại trên ruộng, mương khoảng 40 tấn/năm. - Nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi ven sông thải chất thải, nước thải ra môi trường.
Hậu quả	Gây ô nhiễm nghiêm trọng tới nguồn nước, không khí và đất	Gây bệnh và nguy cơ lây nhiễm, phát tán mầm bệnh, các chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người.	Gây ô nhiễm nghiêm trọng tới nguồn nước, không khí .. phát sinh dịch bệnh ảnh hưởng tới sức khỏe con người	Gây ô nhiễm nguồn nước, không khí và đất. Nếu để lâu dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe con người.	- Suy thoái đất canh tác, ô nhiễm nguồn nước và suy giảm đa dạng sinh học, làm mất cân bằng sinh thái.
Giải pháp	- Thu gom rác thải vào 1 vị trí tập kết. - Có hình thức xử lý rác thải phù hợp.	Phân loại, xử lý, tiêu hủy chất thải y tế.	Xử lý rác thải, nước thải, khí thải CN trước khi thải ra ngoài môi trường	- Khảo sát đánh giá cụ thể từng làng nghề gây ô nhiễm để có biện pháp di dời vào các khu, cụm CN với các chính sách ưu đãi như miễn giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất. - Xử lý nghiêm những cơ sở gây ô nhiễm môi trường. - Tiếp tục nghiên cứu, chuyên gia công nghệ sạch.	- Hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, chất hóa học... - Có biện pháp xử lý các trang trại, nhà bè vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu công tác quản lí khai thác tài nguyên khoáng sản

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- Ở tỉnh Hải Dương việc quản lí khai thác tài nguyên khoáng sản đang diễn ra như thế nào? Hạn chế trong việc quản lí khai thác tài nguyên khoáng sản đã tác động tiêu cực ntn đến môi trường của tỉnh ta?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chuẩn kiến thức

Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn diễn ra rất phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Việc khai thác, thu gom, mua bán khoáng sản trái phép, bừa bãi gây mất an ninh trật tự ở địa phương, lãng phí tài nguyên và huỷ hoại môi trường.

3. Hoạt động luyện tập

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- Quan sát bức ảnh và cho biết em sẽ chọn đất hay rừng? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.



4. Hoạt động vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung

- Tổ chức cuộc thi vẽ tranh công viên xanh trường em nhằm nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường cho học sinh.

c. Sản phẩm

- Tranh vẽ công viên xanh trường học của em.

d. Cách thức tổ chức



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS vẽ tranh.

Bước 3: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

- HS dán sản phẩm của mình lên bảng.

- Các học sinh khác đánh giá bằng stiker, mỗi bạn có 1 stiker để dán vào sp mình thích nhất.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

TIẾT 25 ,26,27 TRONG KHGD)

1. Hoạt động khởi động

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh.

Trò chơi “Nhanh như chớp” với bộ câu hỏi trả lời ngắn

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trả lời câu hỏi bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

GV dựa vào các câu trả lời của học sinh để kết nối vào bài học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động tìm hiểu về hậu quả của ô nhiễm môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường ở Hải Dương

*** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về hậu quả của ô nhiễm môi trường**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh - HS chơi trò chơi tiếp sức trong thời gian 5' - GV chia lớp thành 2 hoặc 3 đội chơi tùy thuộc vào số lượng học sinh của lớp. Môi trường bị ô nhiễm đã gây ra những	II. Hậu quả của ô nhiễm môi trường ở Hải Dương. - Làm biến đổi khí hậu, thiên tai gia tăng và khắc nghiệt, gây tổn thương hệ sinh thái, suy giảm, cạn kiệt tài nguyên. - Làm giảm chất lượng môi trường sống,

hậu quả gì? Em đã và sẽ làm gì để bảo vệ môi trường? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.	gây bệnh hiểm nghèo, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống người dân. - Gây thiệt hại về kinh tế (nông - lâm - ngư nghiệp, du lịch), tăng gánh nặng về y tế...
---	---

*** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về các biện pháp bảo vệ môi trường ở Hải Dương**

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Hãy viết một bức thư ngắn cho chủ tịch UBND tỉnh đề xuất các giải pháp hạn chế gây ô nhiễm môi trường về cách xử lý chất thải ở sinh hoạt, công nghiệp, các làng nghề, chất thải y tế, trong trồng trọt, chăn nuôi....

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS báo cáo kết quả, thảo luận.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

HS đọc tiêu chí đánh giá sau và sử dụng **sticker** để đánh giá đồng đẳng.

HS nhận xét về chất lượng bài làm của các nhóm:

1. Em ấn tượng với bài làm của nhóm nào nhất? Vì sao?

2. Em muốn góp ý cho nhóm nào? Nội dung góp ý cụ thể là gì?

Chuẩn kiến thức:

3. Hoạt động luyện tập

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Trò chơi: Tốt nghiệp

Câu 1: Có mấy nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường ở tỉnh Hải Dương?

Câu 2: Theo em một số bệnh viện, nhà thuốc, phòng khám tư đã có biện pháp xử lý chất thải y tế như thế nào?

Câu 3: Hãy nêu một số hậu quả của chất thải sinh hoạt gây ra cho môi trường?

Câu 4: Hãy kể tên một số làng nghề truyền thống ở tỉnh Hải Dương.

Câu 5: Việc lạm dụng thuốc trừ sâu, hóa chất gây hậu quả gì đến môi trường?

Câu 6: Hãy đưa ra một số biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường do một số làng nghề gây ra?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh



Yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ tư duy về “Bảo vệ môi trường tự nhiên tỉnh Hải Dương”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS vẽ sơ đồ tư duy.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận.

- HS dán sản phẩm của mình lên bảng.

- Các học sinh khác đánh giá bằng stiker, mỗi bạn có 1 sticker để dán vào sản phẩm mình thích nhất.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

* Tự học :

+ Chuẩn bị bài sau : Ôn tập kiến thức chủ đề 3,4

TIẾT 17: ÔN TẬP HỌC KÌ I

Ngày soạn:

Ngày dạy:

1. Mục tiêu

- **Củng cố, hệ thống hóa kiến thức đã học trong học kì I, trong đó tập trung hệ thống kiến thức từ tiết 9 đến tiết 16**

2. Về năng lực:

- Có năng lực phân tích thông tin, tổng hợp kiến thức
- Năng lực khái quát hóa, tổng hợp liên hệ

3. Về phẩm chất:

- Tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và lao động
- Sáng tạo trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo, ti vi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

GV giới thiệu dẫn dắt vào bài bằng cách nêu mục tiêu tiết ôn tập

Hoạt động 2: Luyện tập

B1. Yêu cầu HS tự hệ thống lại kiến thức đã học từ tiết 9 đến tiết 16 qua hệ thống câu hỏi

HD của GV - HS	Kết quả cần đạt
Câu 1: Kể tên các loại trống đồng được tìm thấy ở Hải Dương? Trống đồng thường được sử dụng khi nào? Hình ảnh trống đồng là minh	Câu 1: * Trống Hữu Chung, Trống Làng Gọc, Hoàng Lại - Trống đồng là nhạc khí phục vụ trong các lễ hội cầu mưa, cầu mùa của người Việt

chứng giúp em hiểu thêm điều gì về người Hải Dương. Câu 2: Một thuyền là gì? Em hãy cho biết vì sao một thuyền khá phổ biến ở Hải Dương? Câu 3: Tại sao nói nền văn hóa của người Hải Dương ở phương diện vật chất trong thời kì Văn Lang- Âu Lạc rất phong phú và đa dạng Câu 4: Em hãy cho biết tín ngưỡng của người Hải Dương trong thời kì Văn Lang Âu Lạc là gì? Tín ngưỡng này được thể hiện như thế nào Câu 5: Em hãy cho biết những nét mới trong nền văn hóa của con người Hải Dương ở thời kì Văn Lang Âu Lạc? Câu 6: Nêu vị trí tiếp giáp của tỉnh Hải Dương, huyện Thanh Miện Câu 7: Kể tên các đơn vị hành chính của tỉnh hải Dương. B2: - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. B3: HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét. B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và liên hệ	- Hình ảnh trống đồng là biểu tượng cho nền văn hóa đặc sắc, tiêu biểu của người Hải Dương. Đây còn là minh chứng cho sự phát triển nghề thủ công đúc đồng đạt đến độ tinh xảo Câu 2: - Một thuyền là vật dụng bằng thân cây đã khoét rỗng hình thuyền để chôn cất người thân khi mất - Dosinh sống tại vùng trũng nên cư dân Hải Dương thời cổ đại đã dùng một thuyền làm vật dụng chôn cất người thân khi mất. Câu 3: Thể hiện ở 4 phương diện rất đa dạng: nhà ở, trang phục, thức ăn, phương tiện đi lại Câu 4: Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên là thờ các vị thần tự nhiên như thần Đất, thần Nước, Núi, Sông,... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. - Tín ngưỡng sùng bái con người là thờ cúng tổ tiên và những người có công tại địa phương. Câu 5: Nét mới về văn hóa của con người Hải Dương ở thời kì Văn Lang Âu Lạc qua 4 phương diện: Tư tưởng, tôn giáo, chữ viết, kiến trúc Câu 6: - Phía đông giáp huyện Gia Lộc và huyện Ninh Giang - Phía tây giáp huyện Phù Cừ và huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hưng Yên - Phía nam giáp huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình với ranh giới là sông Luộc - Phía bắc giáp huyện Bình Giang. Câu 7: Kể tên các đơn vị hành chính của tỉnh hải Dương. - HS trình bày
--	--

Hoạt động 3: Vận dụng

B1: GV yêu cầu HS thảo luận

? Xác định vị trí của tỉnh Hải Dương và huyện Thanh Miện trên lược đồ

? Xác định các đơn vị hành chính của tỉnh Hải Dương

B2: HS suy nghĩ và xác định

B3: HS xác định

B4: Gv nhận xét, chốt ý:

* Tự học : Chuẩn bị bài sau: **Kiểm tra cuối kì**

+ Ôn tập kĩ các nội dung đã học từ tiết 9 đến tiết 16

Ngày soạn

Ngày dạy:

TIẾT 28: KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố kiến thức đã học trong học kì I trong đó tập trung hệ thống kiến thức từ tiết 9 đến tiết 16. Từ đó đánh giá việc nắm bắt kiến thức của HS để có phương pháp tổ chức hướng dẫn phù hợp

2. Về năng lực:

- Có năng lực phân tích thông tin
- Năng lực khái quát hóa, tổng hợp liên hệ

3. Về phẩm chất:

- Tự giác, tích cực, chủ động trong học tập
- Sáng tạo trong học tập
- Yêu mến và tự hào về quê hương

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Đề bài, đáp án

III. MA TRẬN

Nội dung	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Văn hóa Hải Dương trước thế kỉ X	- HS tri thức nhận biết được về di sản văn hóa Hải Dương: trống đồng, mộ thuyền		- HS hiểu và lí giải kiến thức có liên quan đến mộ thuyền, trống đồng và tín ngưỡng của người Hải Dương				
<i>Câu, ý</i>	1	1	2	1			5
<i>Điểm</i>	0,5	3	1	2			6.5

Tỉ lệ							
Vị trí địa lí và địa giới hành chính	- HS tri thức nhận biết được về vị trí và địa giới của Hải Dương				HS vận dụng kiến thức về địa giới của tỉnh		
Câu, ý Điểm Tỉ lệ	3 1,5					1 2	
Tổng câu, ý T. điểm Tỉ lệ	5 50	5	3 30	3	2 20	2	5 100

IV. ĐỀ BÀI

*** Phần trắc nghiệm: Đọc kĩ câu hỏi và khoanh tròn vào đáp án đúng nhất.**

Câu 1: Hai di sản tiêu biểu cho thành tựu và bản sắc của nền văn hóa người Hải Dương trước thế kỉ X là:

- A. Trống đồng, gạch nung
- B. Trống đồng, chữ Hán
- C. Trống đồng, mộ thuyền
- D. Mộ thuyền, gạch nung

Câu 2: Vì sao mộ thuyền lại khá phổ biến ở Hải Dương

- A. Sống ở vùng ven biển
- B. Sinh sống ở vùng trũng
- C. Sống trên các khu vực đồi núi
- D. Sống ở các cao nguyên

Câu 3: Trống đồng nào tìm thấy ở Hải Dương tiêu biểu nhất cho nền văn hóa Đông Sơn

- A. Hoàng Lại
- B. Hữu Chung
- C. Làng Gộp
- D. Cả ba ý trên đều sai

Câu 4: Hải Dương không giáp với tỉnh nào sau đây

- A. Nam Định
- B. Hưng Yên
- C. Thái Bình
- D. Quảng Ninh

Câu 5: Hải Dương không có huyện nào sau đây

- A. Thanh Miện
- B. Phù Cừ
- C. Nam Sách
- D. Ninh Giang

Câu 6: Phía Đông của tỉnh Hải Dương giáp với tỉnh nào ?

- A. Hải Phòng, Bắc Ninh
- B. Thái Bình, Hưng Yên
- C. Hải Phòng, Quảng Ninh
- D. Hưng Yên, Quảng Ninh

***Phần Tự luận**

Câu 1: (3 đ)

Đặng Thùy Trang

66 Trường THCS Lê Lợi

a. Kể tên các loại trống đồng được tìm thấy ở Hải Dương? Trống đồng thường được sử dụng khi nào?

b. Hình ảnh trống đồng là minh chứng giúp em hiểu thêm điều gì về người Hải Dương.

Câu 2:(2 đ)Tín ngưỡng của người Hải Dương trong thời kì Văn Lang Âu Lạc là gì?

b. Tín ngưỡng này được thể hiện như thế nào trong đời sống?

Câu 3:(2 đ)Hải Dương có bao nhiêu thành phố, thị xã và huyện. Hãy kể tên ít nhất 4 huyện của tỉnh Hải Dương

V. ĐÁP ÁN

*** Phần trắc nghiệm (mỗi ý 0,5 đ)**

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	C	B	B	A	B	C

*** Phần tự luận**

Câu	Yêu cầu	Điểm
1	a. - Trống Hữu Chung, Trống Làng Gọc, Hoàng Lại - Trống đồng là nhạc khí phục vụ trong các lễ hội cầu mưa, cầu mùa của người Việt b. Hình ảnh trống đồng là biểu tượng cho nền văn hóa đặc sắc, tiêu biểu của người Hải Dương. - Đây còn là minh chứng cho sự phát triển nghề thủ công đúc đồng đạt đến độ tinh xảo	1 1 0,5 0,5
2	-Tín ngưỡng: sùng bái tự nhiên và con người - Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên là thờ các vị thần tự nhiên như thần Đất, thần Nước, Núi, Sông,... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. - Tín ngưỡng sùng bái con người là thờ cúng tổ tiên và những người có công tại địa phương.	1 0,5 0,5
3	- Hải Dương có: 2 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện - HS kể đúng 4 huyện	1 1
<u>Biểu điểm:</u> - Đạt: HS đảm bảo được tối thiểu 50 % về điểm số - Chưa đạt: Dưới 50 % điểm số trên		

VI. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Xem lại kiến thức có trong bài kiểm tra
- Chuẩn bị bài sau: Điều kiện tự nhiên của tỉnh Hải Dương

CHỦ ĐỀ 5: TRUYỆN CỔ DÂN GIAN HẢI DƯƠNG

MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

- Nhận biết được một số đặc điểm và thành tựu của văn học dân gian Hải Dương.
- Kể được một số văn bản truyện dân gian của Hải Dương.
- Đọc hiểu được một số truyện cổ dân gian tiêu biểu ở Hải Dương; phân tích được mối liên hệ giữa một số truyện cổ dân gian với phong tục, tập quán, địa danh, nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa, sự kiện diễn ra trên đất Hải Dương.

2. Về phẩm chất:

- Yêu quê hương, trân trọng, tự hào và có ý thức giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa dân gian của Hải Dương.
- Rèn phát âm chuẩn tiếng Việt khi đọc, kể chuyện và nói.

Tuần
Tiết 25

Ngày soạn: 01/3/ 2022
Ngày dạy : Thứ 3 ngày 08/3/ 2022

KHÁI LƯỢC VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN HẢI DƯƠNG VÀ TRUYỆN CỔ DÂN GIAN HẢI DƯƠNG

A. Mục tiêu (Sau bài học HS cần nắm được)

1. Về năng lực:

- Nắm được những đặc điểm của nền văn học dân gian hải Dương.
- Thấy được kho tàng truyện cổ dân gian Hải Dương khá phong phú với nhiều thể loại, chủ đề.
- Sưu tầm được một số truyện cổ dân gian và sắp xếp theo chủ đề

2. Về phẩm chất:

- Yêu quê hương, trân trọng, tự hào và có ý thức giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa dân gian của Hải Dương.
- Chăm chỉ học tập và rèn luyện.

B. Thiết bị dạy học và học liệu

- SGK, tài liệu GDDP, TV ...

C. Các hoạt động dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em đã được nghe kể một truyện cổ kể về một danh nhân hay một vùng đất ở HD chưa? Em có thể kể lại cho mọi người cùng nghe không?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu một vài HS phát biểu ý kiến.
- HS phát biểu ý kiến, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu có).

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS...
- Đưa ra một vài gợi mở, bình giảng và kết nối vào nội dung của bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

a) Mục tiêu: Giúp HS:

- Nắm được những đặc điểm của nền văn học dân gian hải Dương.
- Thấy được kho tàng truyện cổ dân gian Hải Dương khá phong phú với nhiều thể loại, chủ đề.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV mời HS đọc mục 1 trong SGK, trang 59, 60. ? Bằng những hiểu biết của mình, em hãy nêu một số đặc điểm của văn học dân gian Hải Dương: + về thể loại + nội dung cơ bản + vị trí, giá trị B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV. B3: Báo cáo, thảo luận: - GV yêu cầu một vài HS phát biểu ý kiến. - HS phát biểu ý kiến, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV): - Nhận xét câu trả lời của HS. - GV bổ sung, chuẩn kiến thức. B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV mời HS đọc mục 2 trong SGK, trang 60. 1. Trong kho tàng văn học dân gian HD, mảng nào phát triển mạnh mẽ và thể hiện	1. Văn học dân gian Hải Dương. - Về thể loại: VHDG HD phong phú, đa dạng và tương đối đầy đủ về các thể loại (trừ sử thi): + Truyện dân gian: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn ... + Thơ ca dân gian: ca dao, tục ngữ, câu đố, hò vè. + Sân khấu dân gian: chèo, tuồng, múa rối nước, ca trù, hát trống quân ... - Về nội dung: + Phản ánh lịch sử hình thành của mảnh đất xứ Đông. + Phản ánh đời sống tâm hồn, tình cảm, ước mơ của người dân; + Tầm lòng ngưỡng mộ, tôn thờ các nhân vật anh hùng, danh nhân văn hóa. - Về vị trí, giá trị: VHDG HD là một bộ phận quan trọng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn học dân tộc. 2. Truyện cổ dân gian Hải Dương. - Truyện cổ dân gian HD gắn liền với tên đất, tên người, tên sự kiện, di tích, thắng cảnh, lễ hội, tín ngưỡng ... - Thần thoại HD: lực lượng tự nhiên được thần thánh hóa để giải thích một số hiện

rõ nhất giá trị của VHĐG HD? 2. Truyện cổ dân gian HD gồm những thể loại nào? 3. Kể tên một số truyện cổ dân gian HD tiêu biểu. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV. B3: Báo cáo, thảo luận: - GV yêu cầu một vài HS phát biểu ý kiến. - HS phát biểu ý kiến, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV): - Nhận xét câu trả lời của HS.	tượng tự nhiên, địa danh trên đất HD. - Truyền thuyết thiên về ca ngợi những người anh hùng chống ngoại xâm, chống áp bức. - VD: Sự tích sông Kinh Thầy, Thầy đồ Đất làng Điền Trì, Truyền thuyết về đền Bia ...
3. Hoạt động Luyện tập – vận dụng <i>a) Mục tiêu:</i> - Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể. - Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS. <i>b) Tổ chức thực hiện:</i> B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Lập bảng so sánh đặc điểm của truyền thuyết và thần thoại theo các nội dung: chủ đề, nhân vật, cốt truyện, lời kể, yếu tố kì ảo. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu của GV. - GV hướng dẫn, gợi ý cho HS thực hiện (Nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận: - GV yêu cầu một vài HS phát biểu ý kiến. - HS phát biểu ý kiến, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV): - Nhận xét câu trả lời của HS. * Hướng dẫn học ở nhà - Nắm chắc nội dung bài học. - Sưu tầm một số truyện cổ dân gian Hải Dương và sắp xếp theo thể loại. - Tìm đọc và chuẩn bị để giới thiệu về một truyện dân gian của Hải Dương.	

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN: SỰ TÍCH SÔNG KINH THẦY

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về năng lực:

- Có những tri thức bước đầu biết về thể loại thần thoại; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản thần thoại “Sự tích sông Kinh Thầy”.
- Xác định được ngôi kể và phương thức biểu đạt trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện thần thoại.
- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại thần thoại; những hiện tượng tự nhiên và địa danh được giải thích trong một tác phẩm truyện truyền thuyết.

2. Về phẩm chất:

- **Nhân ái:** HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống.
- **Trách nhiệm:** hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, Phiếu học tập, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về thần thoại kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi:

1. Em hãy giới thiệu về một truyện dân gian của Hải Dương mà em đã được nghe, được đọc.
2. Em đã đến địa danh, di tích lịch sử, lễ hội nào gắn với truyện dân gian Hải Dương?
3. Theo em, huyện/ thị xã/ thành phố nào của tỉnh có số lượng truyện dân gian nhiều và đặc sắc nhất?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần.

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

GV nhận xét và giới thiệu bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- Có những tri thức bước đầu biết về thể loại thần thoại; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản thần thoại “Sự tích sông Kinh Thầy”.

- Xác định được ngôi kể và phương thức biểu đạt trong văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện thần thoại.

- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.

- Phân tích được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại thần thoại; những hiện tượng tự nhiên và địa danh được giải thích trong một tác phẩm truyện truyền thuyết.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc: giọng đọc rõ ràng, phân biệt giọng của các nhân vật với lời kể của nhân dân. Chú ý khi đọc những câu nói của Kinh Thầy phải đánh thếp, hùng hồn. - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp. Yêu cầu cả lớp theo dõi và nhận xét bạn đọc. - GV kiểm tra việc đọc chú thích của HS. - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi: ? Truyện gồm có những nhân vật nào? Đây là nhân vật chính? ? Hãy tóm tắt những sự việc chính của truyện? - GV chốt: Các sự việc diễn biến theo trình tự thời gian trước – sau.	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích * Chú thích * Tóm tắt - Nhân vật: bà mẹ, bà tiên, đạo sĩ, người dân ... trong đó Kinh Thầy là nhân vật chính. - Hệ thống sự việc: + Kinh Thầy ra đời một cách đẹp đẽ, kì lạ.

? Truyện thuộc thể loại nào? Nêu những hiểu biết chung của em về thể loại đó. ? Theo em, truyện “Sự tích sông Kinh Thầy” thuộc kiểu văn bản nào? Phương thức biểu đạt chính được sử dụng là gì? ? Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Đặc điểm của ngôi kể này là gì? ? Truyện có thể chia làm mấy phần? Giới hạn và nội dung của từng phần? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe hướng dẫn - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc kiến thức ngữ văn, tìm tư liệu). - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất. - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo. GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.	+ Kinh Thầy lớn lên khỏe mạnh, tài giỏi, biết nhiều phép thần thông. + Kinh Thầy đến vùng Kinh Môn giúp dân làng giết trừ quái thú, tạo sông để phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất. + Nhân dân ghi nhớ công ơn nên đặt tên sông là Kinh Thầy. 2. Thể loại: Thần thoại - Thần thoại là tập hợp những truyện kể dân gian về các vị thần, các nhân vật anh hùng, các nhân vật sáng tạo văn hóa, phản ánh quan niệm của người thời cổ về nguồn gốc thế giới và đời sống con người. - Kiểu văn bản: Tự sự - PTBD: Tự sự. - Ngôi kể: thứ 3 (người kể giấu mình đi). 3. Bố cục: 3 phần: - Phần 1 (Từ đầu – “đặt tên là Kinh Thầy theo lời tiên dận”): Sự ra đời kì lạ và đẹp đẽ của Kinh Thầy. - Phần 2 (Tiếp – “chàng một lá, ngủ thiếp đi”): Kinh Thầy giúp dân làng diệt trừ ác thú và xẻ đất làm sông. - Phần 3 (Còn lại): Nhân dân ghi nhớ công ơn, đặt tên sông là Kinh Thầy.
--	--

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét và bổ sung
- * GV diễn giảng thêm.

3. Hoạt động vận dụng

*** Hướng dẫn tự học**

- Đọc kĩ lại văn bản
- Phân tích văn bản theo hệ thống câu hỏi “Tìm hiểu văn bản sau khi đọc”.
- Tìm thêm tư liệu, tranh ảnh, bài hát, bài thơ ... về địa danh sông Kinh Thầy.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN: SỰ TÍCH SÔNG KINH THẦY (Tiếp)

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về năng lực:

- Có những tri thức bước đầu biết về thể loại thần thoại; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản thần thoại “Sự tích sông Kinh Thầy”.
- Xác định được ngôi kể và phương thức biểu đạt trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện thần thoại.
- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại thần thoại; những hiện tượng tự nhiên và địa danh được giải thích trong một tác phẩm truyện truyền thuyết.

2. Về phẩm chất:

- **Nhân ái:** HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống.
- **Trách nhiệm:** hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, Phiếu học tập, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về thần thoại kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV chiếu video giới thiệu dòng sông Kinh Thầy và mảnh đất Kinh Môn.
- ? Quan sát video, em có cảm nhận gì về mảnh đất Kinh Môn?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh quan sát, cảm nhận.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá.
- GV** nhận xét và giới thiệu bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- Có những tri thức bước đầu biết về thể loại thần thoại; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản thần thoại “Sự tích sông Kinh Thầy”.
- Xác định được ngôi kể và phương thức biểu đạt trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện thần thoại.
- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại thần thoại; những hiện tượng tự nhiên và địa danh được giải thích trong một tác phẩm truyện truyền thuyết.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi. 1. Tìm những chi tiết kể lại sự ra đời của Kinh Thầy? 2. Sự ra đời của Kinh Thầy vừa đẹp đẽ, vừa thần kì nhưng cũng có tính chất đời thường giản dị. Em hãy chứng minh? 3. Trong sự ra đời của Kinh Thầy, em thấy có bóng dáng của nhân vật nào? Chỉ ra điểm giống và khác nhau của hai nhân vật? - GV giải thích thêm. 3. Theo em, tại sao tác giả dân gian lại	II. Đọc – hiểu chi tiết 1. Sự ra đời kì lạ và đẹp đẽ của Kinh Thầy - Người vợ gặp một bà lão ăn xin nghèo đói liền ra tay giúp đỡ, không ngờ đó là một bà tiên. - Bà tiên đã giúp cho người vợ có mang, đặc đặt tên đứa trẻ là Kinh Thầy. - Đẹp đẽ: gắn liền với bông hoa thơm ngào ngạt. - Thần kì: người vợ ngắt một bông hoa về gối đầu giường thì có mang. - Giản dị: là con của ông bà lão già, ra đời trong niềm mong đợi của cha mẹ. - Có bóng dáng của Thánh Gióng - Giống: + ra đời đầy kì lạ + xuất thân rất bình thường - Khác: Ở nhân vật Kinh Thầy, ta thấy yếu tố thần kì chiếm hầu hết, chi phối toàn bộ quá trình ra đời đặt tên của KT. => Kinh Thầy sinh ra đã không phải là

xây dựng nhân vật Kinh Thầy mang xuất thân như vậy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
- HS hình thành kỹ năng khai thác văn bản.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- **Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv sửa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi.**

1. Kinh Thầy lớn lên như thế nào?

2. Những chi tiết kể về sự lớn của Kinh Thầy khiến em liên tưởng đến nhân vật nào?

(Thạch Sanh)

? Kinh Thầy đã lập được những chiến công nào?

? Tìm những chi tiết kể về sự việc Kinh Thầy diệt trừ rồng đen cứu dân làng.

- Gọi Hs đọc đoạn trích từ “Đúng lúc ấy, từ phương bắc ...chặt từng đầu rắn”.

? Trong những chi tiết trên, chi tiết nào có tính thực tế, chi tiết nào hoàn toàn là hoang đường? Ý nghĩa của việc kết hợp đan xen các chi tiết như vậy?

một đứa trẻ bình thường mà là con của Tiên, của thần nhưng đồng thời lại rất gần gũi với con người => làm nên đặc điểm của truyện thần thoại.

2. Kinh Thầy lớn lên và lập chiến công vĩ đại.

a) Lớn lên:

- + Sớm mồ côi cha mẹ
- + Được đạo sĩ nuôi dạy
- + Khỏe mạnh và biết nhiều phép thần thông.

=> Kinh Thầy chính thức là một vị thần, đi thực hiện sứ mệnh cao cả của mình/

b) Chiến công của Kinh Thầy.

* Chém rồng đen cứu dân làng.

- Đốt lửa gọi rồng đến.
- Dùng gươm chém rồng đen
- Dùng phép thần gọi mưa đến.
- Khi chàng một lữ thì có quả đào bay đến, chàng ăn vào quên hết mọi mệt mỏi.
- Bắn trúng mắt rồng đen => rồng đen ngã gục.

- Hoang đường:

- + Vung gươm => đường gươm dựng thành cầu vồng sáng rực.
- + làm phép gọi mưa

3. Không chỉ chém rồng đen, mang lại cuộc sống bình yên cho nhân dân, Kinh Thầy còn giúp dân làm gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - HS hình thành kỹ năng khai thác văn bản. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv sửa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. ? Để ghi nhớ công ơn của Kinh Thầy, nhân dân đã làm gì? ? Ngoài ra, dấu tích chiến công của thần còn để lại ở những đâu? Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi. ? Tổng kết những đặc điểm nghệ thuật,	+ mỗi nhát bần là hàng ngàn mũi tên bay ra + Rồng tung hàng vạn con rắn độc + quả đào tự bay đến, Kinh Thầy ăn xong liền khỏe lại ... - Thực tế: Kinh Thầy chiến đấu đến ngày thứ 3 thì mệt lử, ngày thứ 5 đánh xong rồng đen thì mệt lả, ngủ thiếp đi. => giúp cho hình ảnh vị thần trở nên gần gũi với đời sống con người. * Đào sông: - Đây vốn là một phép thuật của Kinh Thầy. - vươn vai, lấy tay làm mai xấn xuống đất, xẻ thành dòng sông lớn vòng vèo => Giúp dân bình yên thôi chưa đủ mà còn phải góp phần mang lại cuộc sống an no cho nhân dân. c) Nhân dân ghi nhớ công ơn - Lấy tên chàng để đặt cho dòng sông => Sông Kinh Thầy ra đời. - rồng đen ngã xuống tạo thành một dải núi, đỉnh núi An Phụ là mặt rồng. Hai giếng để lại là hai mắt rồng ... => Giải thích nguồn gốc hiện tượng, địa danh. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Kết hợp giữa hoang đường với thực tế => câu chuyện vừa mang sắc màu huyền thoại, vừa gần gũi.
---	---

nội dung, ý nghĩa văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trả lời câu hỏi. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv sửa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	- Kết cấu truyện sinh động, nội dung hấp dẫn. - Mang âm hưởng của một số truyện thuyết, cổ tích tiêu biểu. 2. Nội dung, ý nghĩa - Giải thích về nguồn gốc hình thành một số hiện tượng tự nhiên và địa danh trên đất Hải Dương: dãy núi, tên sông, nước giếng đục quanh năm ...
3. Hoạt động luyện tập a) Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể. b) Tổ chức thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: ? Đọc kĩ văn bản “Sự tích sông Kinh Thầy”, ta sẽ thấy truyện mang nhiều đặc điểm của truyện truyền thuyết (địa danh có liên quan đến thực tế, tên văn bản “Sự tích” ...) Nhưng tại sao chúng ta lại xác định đây là một thần thoại? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trả lời câu hỏi. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv sửa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. 4. Hoạt động vận dụng * Hướng dẫn tự học - Ôn lại khái niệm và đặc điểm của thần thoại. - Rút ra được đặc điểm cách đọc hiểu một văn bản truyện thần thoại. - Chuẩn bị bài: <i>Truyện thuyết về Yết Kiêu.</i>	

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN: TRUYỀN THUYẾT VỀ YẾT KIÊU

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về năng lực:

- Thấy được nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản “Truyền thuyết về Yết Kiêu”.
- Xác định được ngôi kể và phương thức biểu đạt trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện truyền thuyết thể hiện trong văn bản.
- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết; những nhân vật, sự kiện, địa danh ... có liên quan đến lịch sử.

2. Về phẩm chất:

- **Nhân ái:** HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống.
- **Trách nhiệm:** hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: TV, máy tính hoặc điện thoại có kết nối mạng, Phiếu học tập, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu: Giúp học sinh kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV chiếu một số hình ảnh về đền Quát – đền thờ Yết Kiêu ở huyện Gia Lộc.
- ? Em đã từng được nghe câu chuyện gì về người anh hùng Yết Kiêu chưa?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh trình bày câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

GV nhận xét và giới thiệu bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- Thấy được nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản “Truyện thuyết về Yết Kiêu”.
- Xác định được ngôi kể và phương thức biểu đạt trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện truyền thuyết thể hiện trong văn bản.
- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết; những nhân vật, sự kiện, địa danh ... có liên quan đến lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc: giọng đọc rõ ràng, mạch lạc, chú ý ngắt nghỉ cho đúng nhịp; chú ý phát âm chuẩn. - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp. Yêu cầu cả lớp theo dõi và nhận xét bạn đọc. - GV kiểm tra việc đọc chú thích của HS. ? Truyện thuộc thể loại nào? Nêu những đặc điểm của thể truyền thuyết thể hiện trong văn bản. ? Theo em, truyện “Truyện thuyết về Yết Kiêu” thuộc kiểu văn bản nào? Phương thức biểu đạt chính được sử dụng là gì? ? Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Đặc điểm của ngôi kể này là gì?	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc và tìm hiểu chú thích * Chú thích 2. Thể loại: Truyền thuyết * Đặc điểm của thể truyền thuyết Yết Kiêu: - Cốt lõi sự thật lịch sử + Nhân vật có thật + tên địa danh + tên trận kháng chiến và tướng soái Trần Hưng Đạo + Dấu tích để lại - Yếu tố hoang đường kì ảo: + Yết Kiêu nuốt lông trâu thần vào bụng nên có thể đi lại dưới nước như ở đất bằng. - Kiểu văn bản: Tự sự - PTBD: Tự sự. - Ngôi kể: thứ 3 (người kể giấu mình đi). 3. Bố cục: 4 phần:

? Truyện có thể chia làm mấy phần? Giới hạn và nội dung của từng phần? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe hướng dẫn - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc kiến thức ngữ văn, tìm tư liệu). - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất. - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo. GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét và bổ sung * GV diễn giảng thêm.	- Phần 1 (Từ đầu – “kiếm sống và nuôi mẹ”): Giới thiệu về Yết Kiêu. - Phần 2 (Tiếp – “như đi trên bờ”): Lí giải nguyên nhân Yết Kiêu bơi lội giỏi. - Phần 3 (Tiếp – “âm phù dương trợ cho Yết Kiêu”): Tài năng và chiến công của Yết Kiêu. - Phần cuối: Nhân dân ghi nhớ công ơn đã lập đền thờ Yết Kiêu.
---	--

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN: TRUYỀN THUYẾT VỀ YẾT KIÊU

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về năng lực:

- Thấy được nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản “Truyền thuyết về Yết Kiêu”.
- Xác định được ngôi kể và phương thức biểu đạt trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện truyền thuyết thể hiện trong văn bản.
- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết; những nhân vật, sự kiện, địa danh ... có liên quan đến lịch sử.

2. Về phẩm chất:

- **Nhân ái:** HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống.
- **Trách nhiệm:** hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: TV, máy tính hoặc điện thoại có kết nối mạng, Phiếu học tập, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về thần thoại kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV chiếu video giới thiệu dòng sông Đĩnh Đào và mảnh đất Gia Lộc.
- ? Quan sát video, em có cảm nhận gì về mảnh đất Gia Lộc?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh quan sát, cảm nhận.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

GV nhận xét và giới thiệu bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- Có những tri thức bước đầu biết về thể loại thần thoại; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản thần thoại “Sự tích sông Kinh Thầy”.
- Xác định được ngôi kể và phương thức biểu đạt trong văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện thần thoại.
- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại thần thoại; những hiện tượng tự nhiên và địa danh được giải thích trong một tác phẩm truyện truyền thuyết.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
? Hãy kể ra những chi tiết tưởng tượng kỳ ảo trong truyện? ? Các chi tiết ấy mang những ý nghĩa gì cho câu chuyện? ? Trần Hưng Đạo trọng dụng Yết Kiêu vì lý do gì? ? Thực chất từ “Yết Kiêu” do đâu mà có? ? Tên thật của Yết Kiêu là gì? Ý nghĩa của việc Trần Hưng Đạo đặt tên cho ông Nguyễn Hữu Thế?	II. Đọc – Hiểu văn bản: 1. Hình ảnh, chi tiết tưởng tượng kỳ ảo trong truyện: - Yết Kiêu nhặt được hai cái lông trâu, đặt xuống nước, nước rẽ làm đôi. Yết Kiêu nuốt vào bụng, ông có thân thể cường tráng, trí lực phi thường, từ đó có thể bơi lặn dưới nước như đi trên bờ. - Yết Kiêu được cá dưới sông và cáo trên bờ giúp sức khi gặp nguy nan. => Ý nghĩa: Ngợi ca những con người tài đức, có hoàn cảnh thiết thời được thần linh giúp. Đồng thời thể hiện ước mơ và khát vọng của nhân dân lao động mong ước có nguồn sức mạnh thần kỳ để chống giặc ngoại xâm. 2. Ý nghĩa của hình tượng Yết Kiêu: - Yết Kiêu có tài bơi lặn nên được Trần Hưng Đạo trọng dụng. - Yết Kiêu là tên một loài cá kinh khổng lồ ở biển. - Trần Hưng Đạo đặt tên Yết Kiêu cho thấy ông rất coi trọng tài năng của Nguyễn Hữu Thế, đồng thời mong muốn ông lập nhiều chiến công hơn nữa. 3. Liên hệ thực tiễn:

? Sự thật về lịch sử của câu chuyện là như thế nào?	- Thân thế của dòng họ Nguyễn ở Gia Lộc. - Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên- Mông thời nhà Trần. - Nhân dân lập đền thờ ông mang tên Đền Quát ở thôn Hạ Bì, xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc.
---	--

3. Hoạt động luyện tập

a) **Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

b) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

? Sau khi học xong văn bản “ truyền thuyết về Yết Kiêu”, văn bản gợi cho em điều gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh trả lời câu hỏi.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv sửa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

*** Hướng dẫn tự học**

- Ôn lại khái niệm và đặc điểm của thần thoại, truyền thuyết.

- Chuẩn bị bài: Ôn tập truyện dân gian Hải Dương.